



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN PHÔI THÉP Số: 01-2026/KKMT-TNB

Căn cứ Bộ Luật Dân sự, Bộ Luật Thương mại hiện hành của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của Công Ty CP Thép Nhà Bè - VNSTEEL và Công Ty Cổ Phần Kim Khí Miền Trung.

Hôm nay, ngày tháng năm 2026 tại văn phòng Công Ty CP Thép Nhà Bè - VNSTEEL, Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên bán): CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Địa chỉ : 69 Quang Trung, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại : 02363822807. - Fax: 02363823306.

Tài khoản số : 0041.00000.1112 tại Ngân hàng Ngoại Thương- CN Đà Nẵng

Mã số thuế : 0400101605

Người đại diện : Ông **ĐOÀN CÔNG SƠN** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Bên B (Bên mua): CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ-VNSTEEL

Địa chỉ : Lô số 2, Đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2 – Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại : 2513.569.672 Fax: 2513.569.673

Tên tài khoản : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Tài khoản 1 : 111 000 106412 – NH TMCP Công Thương Việt Nam – CN Nhơn Trạch, Đồng Nai

Tài khoản 2 : 31 00 793619 – NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – CN TP.HCM

Mã số thuế : 0305393838

Người đại diện : Ông **NGUYỄN MINH TÍNH** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán phôi thép với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1.1 Các định nghĩa:

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- Thời hạn Hợp đồng: Là khoảng thời gian mà các Bên có quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này, bao gồm cả thời gian gia hạn Hợp đồng.
- Giá trị Hợp đồng: Là tổng giá trị Hàng hóa mà Bên B phải thanh toán đủ và đúng hạn cho Bên A cho những Hàng hóa mà Bên A đã cung cấp cho Bên B.

- c) Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng: Là văn bản sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng, theo đó quy định cụ thể về chủng loại Hàng hóa, giá Hàng hóa, thời gian, phương thức giao nhận Hàng hóa, khuyến mại và các vấn đề khác có liên quan đến việc mua bán Hàng hóa giữa hai Bên.
- d) Biên bản giao nhận/ nghiệm thu/ bàn giao: Là văn bản được các Bên ký kết nhằm xác nhận số lượng Hàng hóa đã giao nhận, đã nghiệm thu theo thoả thuận của Hợp đồng này và các Phụ lục.
- e) Bí mật kinh doanh và tài sản sở hữu trí tuệ: Là thông tin, tài liệu, ý tưởng, kinh doanh, hình ảnh v.v... thể hiện hoặc lưu trữ dưới dạng văn bản, file máy tính, thư điện tử, hình ảnh v.v... mà mỗi bên có được và sở hữu hợp pháp.
- f) Thông tin bảo mật: Là những thông tin thuộc bí mật kinh doanh và tài sản, sở hữu trí tuệ nêu tại Hợp đồng, Phụ lục mà các Bên biết hoặc tiếp cận được trong quá trình thực hiện Hợp đồng này.
- g) Người được phép nắm giữ thông tin bảo mật: Là người tham gia trực tiếp hay gián tiếp vào việc thực hiện Hợp đồng của các Bên. Tuy vậy, các Bên thống nhất rằng thoả thuận này còn được áp dụng cho tất cả nhân viên của các Bên không phải là “Người được phép nắm giữ thông tin bảo mật” nhưng vì lý do nào đó có thể biết hoặc tiếp cận được “Thông tin bảo mật”.
- h) “Bên” nghĩa là Bên A hoặc Bên B, và “Các Bên” nghĩa là Bên A và Bên B.

1.2 Giải thích:

- a) Các từ “của Hợp đồng này”, “trong Hợp đồng này” và “theo Hợp đồng này” và các từ có nội dung tương tự, khi được sử dụng trong Hợp đồng này, sẽ đề cập đến toàn bộ Hợp đồng này và không đề cập đến bất kỳ quy định cụ thể nào của Hợp đồng này.
- b) Nếu có mâu thuẫn giữa nội dung của một điều, khoản, điểm hoặc mục với tiêu đề thì các nội dung của điều, khoản, điểm hoặc mục đó sẽ được áp dụng để giải quyết các vấn đề liên quan. Tiêu đề chỉ để tiện tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích các điều, khoản, điểm hoặc mục hoặc các đoạn áp dụng của Hợp đồng này.

ĐIỀU 2. THÔNG TIN HÀNG HÓA MUA BÁN

- 2.1 Hàng hóa mua bán: Bên A đồng ý bán cho Bên B các Hàng hóa là các loại **Phôi Thép** dựa theo nhu cầu của Bên B và khả năng cung cấp của Bên A. Thông tin chi tiết sẽ quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.
- 2.2 Khối lượng và Giá bán Hàng hóa: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG HÓA

3.1 Địa điểm giao hàng:

Hàng được giao trên phương tiện vận chuyển của Bên A tại kho Nhà máy Bên B tại Địa chỉ: Lô số 2, Đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2 – Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

3.2 Thời gian giao hàng: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.

3.3 Căn cứ xác định khối lượng hàng hóa giao nhận làm cơ sở thanh toán:

Khối lượng Hàng hóa được xác định qua cân điện tử của Bên B và số thanh được đếm trực tiếp. Hai Bên lập Biên bản giao nhận Hàng hóa để xác định “Khối lượng Hàng hóa thanh toán”. Bên B có trách nhiệm cung cấp bảng tổng hợp phiếu cân Hàng hóa (qua cân điện tử Bên B) của từng xe hàng cho Bên A để hai Bên làm cơ sở xác định “Khối lượng Hàng hóa thanh toán”.

3.4 Thông báo giao nhận hàng hóa:

Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước về thông tin phương tiện vận chuyển, thành phần hoá học và thời gian dự kiến đến địa điểm giao hàng hóa để Bên B chuẩn bị tiếp nhận;

Bên A giao một lô/mẻ dao động từ 12 - 15 tấn.

3.5 Biên bản giao nhận Hàng hóa:

Ngay sau khi kết thúc việc giao nhận hàng hóa, các Bên sẽ tiến hành lập và ký kết Biên bản giao nhận hàng hóa (theo mẫu của Bên B) để làm cơ sở cho việc thanh quyết toán, theo đó:

Đại diện bán hàng của Bên A và đại diện của Bên B sẽ trực tiếp ký kết Biên bản giao nhận ngay sau khi hoàn tất việc giao nhận hàng.

3.6 Quyền sở hữu hàng hóa: Thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa là thời điểm các Bên hoàn thành nghĩa vụ giao/ nhận Hàng hóa (căn cứ theo Biên bản giao/ nhận hàng hóa có chữ ký xác nhận của đại diện các Bên).

ĐIỀU 4. KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ HÀNG HÓA KHÔNG ĐẠT CHẤT LƯỢNG

Trường hợp sau khi giao hàng, Bên B phát hiện lỗi của hàng hóa (lỗi do sản xuất và/ hoặc do Bên A vận chuyển), việc xử lý các khiếu nại về hàng hóa được thực hiện theo quy định sau:

4.1 Khiếu nại hàng hóa không đạt chất lượng của Bên B (nếu có) sẽ được lập thành văn bản hoặc email để gửi cho Bên A trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày hoàn tất việc giao nhận Hàng hóa, ghi rõ và đầy đủ các thông tin về hàng hóa không đạt chất lượng (đính kèm kết quả kiểm định của Quatest 3).

4.2 Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại về chất lượng hàng hóa của Bên B, Bên A sẽ phản hồi việc tiếp nhận khiếu nại và tích cực tìm nguyên nhân, biện pháp xử lý hàng không đạt chất lượng cho Bên B.

4.3 Chi phí liên quan đến việc kiểm định hàng hóa không đạt chất lượng sẽ do Bên A chi trả (nếu có).

ĐIỀU 5. THANH TOÁN

Phương thức thanh toán:

5.1 Chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam (VND) theo thông tin tài khoản Bên A như đã đề cập ở trên.

5.2 Thời hạn thanh toán: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.

5.3 Hồ sơ làm căn cứ quyết toán:

a) Biên bản giao nhận/ nghiệm thu Hàng hóa có xác nhận đại diện của hai bên;

- b) Hóa đơn giá trị gia tăng;
- c) Giấy chứng nhận chất lượng Hàng hóa ;
- d) Bảng kê chi tiết giao nhận hàng hoá (Bên B cung cấp);
- e) Bản bản đối chiếu công nợ (nếu có);
- f) Biên bản phạt vi phạm/ bồi thường (nếu có);

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

6.1 Nghĩa vụ của Bên A:

- a) Giao Hàng hóa đúng theo các nội dung đã được các Bên xác nhận trên Đơn đặt hàng/ Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng
- b) Xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên B theo đúng quy định.
- c) Chịu trách nhiệm về thông tin và chất lượng Hàng hóa cung cấp cho Bên B theo tiêu chuẩn đã đăng ký.
- d) Người và phương tiện vận chuyển của Bên A khi đến giao Hàng hóa tại Nhà máy Bên B phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định AT-VSLĐ của Bên B. Trong trường hợp có sự bất đồng của các Bên, Bên B có quyền từ chối tiếp nhận phương tiện vào Nhà máy.
- e) Cung cấp đúng và đầy đủ các chứng từ pháp lý, chứng chỉ chất lượng của Hàng hóa theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất đi kèm các Hàng hóa được giao nhận cho Bên B khi có yêu cầu.

6.2 Quyền của Bên A:

- a) Tạm ngưng cung cấp Hàng hóa cho Bên B khi Bên B vi phạm nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng hoặc Đơn đặt hàng.
- b) Từ chối tham gia giải quyết những vướng mắc khi Bên B không tuân thủ theo đúng các điều khoản được nêu trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

7.1 Nghĩa vụ của Bên B:

- a) Nhận Hàng hóa theo đúng thỏa thuận tại Đơn đặt hàng/ Hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng.
- b) Bảo quản Hàng hoá sau khi nhận theo đúng yêu cầu kỹ thuật của Bên A.
- c) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận.
- d) Liên hệ trực tiếp với Lãnh đạo cao nhất của Phòng kinh doanh hoặc Người được ủy quyền hợp pháp của Bên A nếu trong quá trình giao dịch gặp phải các khó khăn, vướng mắc.

7.2 Quyền của Bên B:

Được quyền từ chối nhận Hàng hóa khi Bên A giao Hàng hóa không đúng tiêu chuẩn, yêu cầu.

ĐIỀU 8. VI PHẠM VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- 8.1 Vi phạm Hợp đồng: Là trường hợp một trong các Bên có hành vi vi phạm các điều khoản, nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục hoặc không đáp ứng được các điều kiện đảm bảo việc thực hiện Hợp đồng, trừ khi Bên vi phạm do Sự Kiện Bất Khả Kháng

đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để chấn chỉnh và đã khắc phục vi phạm đó trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.

- 8.2 Phạt vi phạm Hợp đồng: Nếu Bên vi phạm Hợp đồng không chấm dứt ngay hành vi vi phạm và/ hoặc không khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn được nêu ở thông báo của Bên bị vi phạm, thì Bên vi phạm, ngoài nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên kia, còn bị phạt vi phạm Hợp đồng bằng tám phần trăm (08%) giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

ĐIỀU 9. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2026.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG

10.1 Bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên, khiến một/ các Bên không thể thực hiện nghĩa vụ/ chậm trễ thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng như: động đất, bão lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,... và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

10.2 Trách nhiệm của các Bên khi gặp sự kiện bất khả kháng: Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện Bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để Bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- a) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- b) Thông báo ngay cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng bảy (07) ngày sau khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng.

10.3 Nếu Bất khả kháng tiếp diễn trong thời kỳ liên tục vượt quá ba mươi (30) ngày, hai Bên sẽ thỏa thuận trong thời gian sớm nhất về việc tiếp tục thực hiện hoặc hủy bỏ Hợp đồng mà hai bên đều không có bất cứ khiếu nại nào đối với nhau.

ĐIỀU 11. THÔNG BÁO VÀ LIÊN LẠC

11.1 Thông báo với Bên còn lại phải được thể hiện dưới dạng email/ văn bản và phải được chuyển: (i) trao tận tay, hoặc (ii) gửi đảm bảo qua các công ty vận chuyển thư tín, hoặc (iii) thư điện tử (email) đến địa chỉ của Bên đó theo Hợp đồng.

11.2 Địa chỉ nhận Thông báo các Bên là địa chỉ tại phần đầu của Hợp đồng hoặc địa chỉ khác do các Bên thông báo bằng văn bản cho Bên kia theo từng thời gian.

11.3 Các thông báo được coi là đã nhận vào ngày thông báo đó (i) được chuyển tận tay và có chữ ký xác nhận của bên nhận, hoặc (ii) được gửi bằng email.

11.4 Các Bên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại cùng với các tài liệu kèm theo trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi xảy ra mọi thay đổi làm ảnh hưởng đến việc thi hành các điều khoản của Hợp đồng này như: thay đổi tên, địa chỉ, người đại diện, loại hình doanh nghiệp; văn phòng giao dịch, người phụ trách.

ĐIỀU 12. BẢO MẬT THÔNG TIN

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên cam kết thực hiện những nội dung sau:

- 12.1 Bảo mật thông tin của các Bên khi được Bên còn lại giao để triển khai Hợp đồng.
- 12.2 Không sử dụng, sao chép hay tạo mới các công việc hay Hàng hóa dựa trên các thông tin này vì mục đích khác ngoài phạm vi công việc theo Hợp đồng.
- 12.3 Không cung cấp Thông tin bảo mật cho bất kỳ ai hoặc Bên thứ ba khác biết khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên có quyền sở hữu với Thông tin bảo mật ngoại trừ việc cung cấp theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 12.4 Cam kết không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của nhau trong quá trình thực hiện Hợp đồng liên quan theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 13. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 13.1 Các hoạt động liên quan đến việc mua bán Hàng hóa theo Hợp đồng này được ưu tiên áp dụng và điều chỉnh theo Luật thương mại Việt Nam hiện hành.
- 13.2 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có phát sinh tranh chấp thì hai bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác và cùng có lợi. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng thì sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết. Mọi phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà các Bên phải tuân thủ. Bên thua sẽ phải chịu mọi án phí, bao gồm cả chi phí Luật sư của bên thắng và khoản phạt/ bồi thường theo phán quyết của Tòa án.

ĐIỀU 14. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 14.1 Bất cứ sửa đổi/ bổ sung nào đối với Hợp Đồng này đều phải lập thành văn bản, được đại diện có thẩm quyền của các Bên ký tên, đóng dấu mới có hiệu lực.
- 14.2 Các Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng phát sinh sau đó theo từng thời điểm là một phần không tách rời của Hợp đồng này. Điều khoản nào trong Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng mâu thuẫn với các điều khoản trong Hợp đồng này thì các điều khoản tại Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 14.3 Không điều gì trong Hợp đồng này được hiểu là một Bên làm đại diện của Bên còn lại và không Bên nào có thẩm quyền ràng buộc Bên kia hoặc ký kết Hợp đồng dưới tên của Bên kia hoặc tạo ra trách nhiệm cho Bên kia bằng bất cứ cách thức nào.
- 14.4 Không có bất kỳ sự miễn trừ của một Bên nào về quyền lợi, chế tài theo Hợp đồng này có hiệu lực, trừ khi miễn trừ đó được lập thành văn bản và được các Bên ký kết. Việc một Bên chưa thực hiện hoặc chậm trễ thực hiện một quyền hay áp dụng biện pháp chế tài theo Hợp đồng này sẽ không có nghĩa là Bên đó đã khước từ quyền của mình.
- 14.5 Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của một Bên, Bên còn lại không được chuyển nhượng, chuyển giao hoặc thế chấp một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ nào của Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm.
- 14.6 Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ hai (02) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC KÝ GỬI MUA BÁN SẢN PHẨM THÉP

Số: /TNB-KKMT.

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ vào Quy chế Bán sản phẩm thép ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè – Vnsteel;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2026 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel, đại diện hai bên gồm:

Bên A (Bên bán) : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ – VNSTEEL

- Địa chỉ : Lô số 2, Đường số 3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại : 2513.569.672 - Fax: 2513.569.673
- Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè – Vnsteel
- Tài khoản : 111000106412 – NH TMCP Công Thương Việt Nam – CN Nhơn Trạch, Đồng Nai.
- Hoạch tài khoản số: 3100793619 – NH Đầu Tư và Phát Triển VN - CN Tp.HCM
- Mã số thuế : 0305393838.
- Do Ông : NGUYỄN MINH TÍNH - Tổng giám đốc làm đại diện.

Bên B (Bên mua) : CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

- Địa chỉ : 69 Quang Trung, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Điện thoại : 02363822807. - Fax: 02363823306.
- Tài khoản : 0041.00000.1112 tại Ngân hàng Ngoại Thương- CN Đà Nẵng.
- Mã số thuế : 0400101605.
- Do Ông : ĐOÀN CÔNG SƠN - Tổng giám đốc làm đại diện.

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán sản phẩm thép với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- 1.1 Bên mua và Bên bán giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc hợp tác hai Bên cùng có lợi và tuân theo các điều kiện, điều khoản của Hợp đồng này.
- 1.2 Bên mua được hưởng các chính sách ưu đãi và các quyền lợi khác (nếu có) theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và các thỏa thuận khác (nếu có).
- 1.3 Bên mua tự chuẩn bị cơ sở vật chất, kho bãi để kinh doanh sản phẩm.
- 1.4 Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này, khi phát sinh nhu cầu mua bán sản phẩm, Bên mua sẽ gửi thông tin đặt mua sản phẩm cho Bên bán, Bên bán sẽ xác nhận đơn đặt

mua sản phẩm cho Bên mua. Hình thức gửi đơn đặt mua sản phẩm và xác nhận đơn đặt mua sản phẩm được ký kết bằng văn bản và gửi cho Bên còn lại thông qua Zalo, thư điện tử Mail, gửi trực tiếp.

ĐIỀU 2: CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

- 2.1 Các sản phẩm thép của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel được sản xuất theo tiêu chuẩn tương đương tiêu chuẩn Nhật (JIS), tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN). Bên bán cung cấp cho Bên mua các sản phẩm có chất lượng đúng với tiêu chuẩn chất lượng công bố và được Chi Cục Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng Tp. Hồ Chí Minh xác nhận;
- 2.2 Bên bán cung cấp cho Bên mua các thông tin, thông số kỹ thuật, các chứng chỉ xuất xứ, chứng nhận chất lượng các sản phẩm của Bên bán khi Bên mua nhận sản phẩm.

ĐIỀU 3: SẢN PHẨM, PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN, XIẾP DỠ VÀ VẬN CHUYỂN

Bên bán đồng ý bán, Bên mua đồng ý mua sản phẩm do Bên bán sản xuất.

- 3.1 **Sản phẩm:** Thép góc V25x25 đến V75x75.
- 3.2 **Số lượng:** Theo từng đơn đặt mua sản phẩm.
- 3.3 **Địa điểm giao hàng:**
- 3.3.1 Công ty CP Kim Khí Miền Trung (MT3)
- Lô A3 -7 KDC Đô Thị Mới Nam Cẩm Lệ, Phường Hòa Xuân, Tp. Đà Nẵng.
- 3.3.2 Đặt mua sản phẩm:
- Khi phát sinh nhu cầu mua sản phẩm Bên mua gửi cho Bên bán đơn đặt mua sản phẩm được ký xác nhận bởi người được Tổng giám đốc ủy quyền, Bên mua sẽ gửi thông tin đặt mua sản phẩm cho Bên bán trước 05 ngày kể từ ngày dự kiến nhận sản phẩm. Hai bên thỏa thuận đầy đủ thông tin về quy cách, số lượng, chủng loại sản phẩm, giá bán, ngày giao hàng, địa điểm giao hàng... (“thông tin đặt hàng”) trong Đơn đặt mua sản phẩm và cùng ký xác nhận vào Đơn đặt mua sản phẩm, đơn đặt mua sản phẩm do người được Tổng giám đốc ủy quyền ký phát hành.
- Mỗi Đơn đặt mua sản phẩm có hiệu lực riêng biệt với các Đơn đặt mua sản phẩm khác và phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm hai bên cùng ký (chấp nhận bản ký gửi qua Zalo hoặc bản ký được scan và gửi qua thư điện tử Mail, gửi trực tiếp).
- 3.3.3 Thời gian giao sản phẩm: Bên bán giao sản phẩm trong vòng 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Bên mua đặt mua sản phẩm.
- 3.3.4 Bên bán giao sản phẩm tại kho Bên mua trên phương tiện Bên bán, chi phí bốc sản phẩm xuống do Bên mua chịu.
- 3.3.5 Hai bên cùng lập biên bản giao nhận sản phẩm cụ thể theo từng đợt giao sản phẩm qua số lượng cân thực tế tại kho Bên bán.
- 3.3.6 Khi giao sản phẩm kèm “phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ”.
- 3.3.7 Kể từ thời điểm giao nhận sản phẩm, Bên mua chịu hoàn toàn trách nhiệm bảo quản về số sản phẩm đã nhận của Bên bán.
- 3.3.8 Định kỳ vào ngày cuối tháng hai bên tiến hành đối chiếu, lập biên bản kiểm kê tồn kho thực tế sản phẩm ký gửi bán. Bất kỳ sự thiếu hụt số lượng, hư hỏng sản phẩm trong

7-C
BÈ
ĐỒNG

thời kỳ ký gửi, Bên mua chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại như **điều 9** của hợp đồng này. Bên bán có quyền kiểm tra đột xuất lượng sản phẩm ký gửi tại kho Bên mua.

3.4 Địa điểm giao hàng:

3.4.1 Chi Nhánh Miền Trung Tại Tỉnh Khánh Hòa - Công ty CP Kim Khí Miền Trung (MT2)

- Số 303 Lê Hồng Phong, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

3.4.2 Đặt mua sản phẩm:

- Khi phát sinh nhu cầu mua sản phẩm Bên mua gửi cho Bên bán đơn đặt mua sản phẩm được ký xác nhận bởi người được Tổng giám đốc ủy quyền, Bên mua sẽ gửi thông tin đặt mua sản phẩm cho Bên bán trước 05 ngày kể từ ngày dự kiến nhận sản phẩm. Hai bên thỏa thuận đầy đủ thông tin về quy cách, số lượng, chủng loại sản phẩm, giá bán, ngày giao hàng, địa điểm giao hàng... (“thông tin đặt hàng”) trong Đơn đặt mua sản phẩm và cùng ký xác nhận vào Đơn đặt mua sản phẩm, đơn đặt mua sản phẩm do người được Tổng giám đốc ủy quyền ký phát hành.

- Mỗi Đơn đặt mua sản phẩm có hiệu lực riêng biệt với các Đơn đặt mua sản phẩm khác và phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm hai bên cùng ký (chấp nhận gửi bản ký qua Zalo hoặc bản ký được scan gửi qua thư điện tử Mail, gửi trực tiếp).

3.4.3 Thời gian giao sản phẩm: Bên bán giao sản phẩm trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày Bên mua đặt mua sản phẩm.

3.4.4 Bên bán giao sản phẩm tại kho Bên mua trên phương tiện Bên bán, chi phí bốc sản phẩm xuống do Bên mua chịu.

3.4.5 Hai bên cùng lập biên bản giao nhận sản phẩm cụ thể theo từng đợt giao sản phẩm qua số lượng cân thực tế tại kho Bên bán.

3.4.6 Khi giao sản phẩm kèm “phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ”.

3.4.7 Kể từ thời điểm giao nhận sản phẩm, Bên mua chịu hoàn toàn trách nhiệm bảo quản về số sản phẩm đã nhận của Bên bán.

3.4.8 Định kỳ vào ngày cuối tháng hai bên tiến hành đối chiếu, lập biên bản kiểm kê tồn kho thực tế sản phẩm ký gửi bán. Bất kỳ sự thiếu hụt số lượng, hư hỏng sản phẩm trong thời kỳ ký gửi, Bên mua chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại như **điều 9** của hợp đồng này. Bên bán có quyền kiểm tra đột xuất lượng sản phẩm ký gửi tại kho Bên mua.

ĐIỀU 4: GIÁ CẢ, GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

4.1 **Giá cả:** Theo quyết định giá của bên bán tại thời điểm xuất hóa đơn.

- Bên bán xuất hóa đơn với số lượng theo yêu cầu của Bên mua vào mỗi cuối tháng;

4.1.1 Công ty CP Kim Khí Miền Trung (MT3)

- Giá bán thấp hơn giá Quyết định 2 khu vực Miền Trung 3 (MT3): 250 đồng/kg.

4.1.2 Chi Nhánh Miền Trung Tại Tỉnh Khánh Hòa - Công ty CP Kim Khí Miền Trung (MT2)

- Giá bán thấp hơn giá Quyết định 2 khu vực Miền Trung 2 (MT2): 300 đồng/kg.

- 4.2. Nếu Bên mua tiêu thụ sản phẩm trực tiếp tại khu vực Tp. Hồ Chí Minh thì Bên bán bán cho Bên mua theo giá Quyết định 2 khu vực Tp. Hồ Chí Minh.
- Quyết định về việc thay đổi giá do Bên bán ban hành có giá trị như phụ lục không thể tách rời của hợp đồng;
- 4.3. **Thay đổi giá:**
- + Bên bán sẽ thông báo cho Bên mua trước 24 giờ kể từ thời điểm thay đổi giá bán;
- 4.4. Trường hợp Bên bán thông báo tăng giá, Bên bán cho phép Bên mua được mua toàn bộ số lượng của Bên bán đang ký gửi tại kho Bên mua theo giá hiện tại (trước thời điểm tăng giá)
- 4.5 **Giá trị hợp đồng:** 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), tạm tính (bao gồm thuế GTGT)

ĐIỀU 5: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

- 5.1 Hình thức thanh toán: chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ
- 5.2 Thời gian thanh toán:
- Thanh toán trả ngay với giá bán trả ngay tại thời điểm Bên bán phát hành hóa đơn GTGT cho bên mua.
 - Thanh toán trả chậm 30 ngày với giá bán trả chậm kể từ ngày Bên bán phát hành hóa đơn GTGT cho Bên mua;
- 5.3 Khi đến hạn thanh toán, Bên mua có trách nhiệm thanh toán chuyển khoản cho Bên bán bằng với giá trị hóa đơn Bên bán phát hành. Nếu ngày đến hạn trả là ngày lễ, thứ bảy, chủ nhật sẽ được trả vào ngày kế tiếp và khoảng thời gian hiệu chỉnh này không bị tính lãi chậm trả;
- 5.4 Hạn mức công nợ: Bên bán cho phép Bên mua nợ tiền hàng đã xuất hóa đơn chưa thanh toán và số lượng sản phẩm ký gửi tại kho với hạn mức là **3.000.000.000** đồng (Ba tỷ đồng), tương ứng với số tiền bảo lãnh của ngân hàng;
- 5.5 Thời điểm xác định Bên mua thanh toán cho Bên bán là khi tiền đã vào tài khoản của Bên bán;
- 5.6 Bên mua được khấu trừ công nợ trong tháng trong trường hợp Bên mua được hưởng tiền chiết khấu mua sản phẩm do Bên bán quy định.
- 5.7 Bên mua chịu hoàn toàn trách nhiệm bảo quản số lượng sản phẩm ký gửi đã nhận của Bên bán. Nếu nguyên nhân dẫn đến sự thiếu hụt về số lượng, hư hỏng do lỗi Bên mua trong thời gian ký gửi thì Bên mua phải mua toàn bộ giá trị thiệt hại hoặc bồi thường toàn bộ giá trị bị thiệt hại (theo quyết định giá Bên bán tại thời điểm phát sinh) trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày Bên bán gửi yêu cầu.

ĐIỀU 6: NỢ QUÁ HẠN

- 6.1. Sau thời gian **chậm trả 30 ngày** số nợ sẽ chuyển thành nợ quá hạn nếu khách hàng chưa thanh toán và Bên bán sẽ ngưng cung cấp sản phẩm cho Bên mua;
- 6.2. Quá thời hạn được trả chậm ở Điều 5 Bên bán sẽ tính lãi chậm trả theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn một (01) tháng của Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cộng (+) 3,5%/năm **nhưng không quá 15 ngày**. Nếu quá 15 ngày Bên bán có quyền yêu cầu ngân hàng trả thay số nợ gốc và lãi chậm trả

mà không phải thông báo cho Bên mua mặc dù thời hạn bảo lãnh còn giá trị. Trong mọi trường hợp lãi suất trả chậm không quá 10%/năm.

- 6.3. Sau thời hạn trả chậm, Bên bán có quyền yêu cầu ngân hàng trả thay số nợ gốc mà không phải thông báo cho Bên mua mặc dù thời hạn bảo lãnh còn giá trị.

ĐIỀU 7: CHỨNG THƯ BẢO LÃNH.

- 7.1. Chứng thư bảo lãnh thanh toán của ngân hàng phải do Giám đốc Ngân hàng ký (nếu Phó giám đốc ký phải có sự ủy quyền của Giám đốc) và đúng theo quy chế nội bộ của Ngân hàng bảo lãnh trả thay số tiền nợ gốc và lãi cho Bên bán theo yêu cầu nếu Bên mua không thực hiện thanh toán theo **điều 5** và **điều 6**;
- 7.2. Ngân hàng cam kết trả cho Bên bán số tiền không vượt quá giới hạn số tiền bảo lãnh ngay sau khi nhận được yêu cầu thanh toán của Bên bán và Bên bán chỉ cung cấp cho Ngân hàng bảo lãnh các chứng từ văn bản hợp lệ sau:
- Đối với lượng sản phẩm đã xuất hóa đơn:
 - + Bản sao các Hóa đơn GTGT của Bên mua chưa thanh toán
 - Đối với lượng sản phẩm ký gửi tại kho của Bên mua:
 - + Bản sao Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- 7.3. Số tiền bảo lãnh: **3.000.000.000** đồng (Ba tỷ đồng) bảo lãnh cho toàn bộ giá trị sản phẩm ký gửi tại kho Bên mua và giá trị các hóa đơn chưa thanh toán tại mọi thời điểm
- 7.4. Trong mọi trường hợp, ngân hàng không được quyền viện dẫn bất cứ lý do gì để từ chối không thanh toán tiền cho Bên bán khi Ngân hàng đã nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ nêu tại **khoản 7.2**.
- 7.5. Trước thời hạn hết hiệu lực của chứng thư bảo lãnh 10 ngày, Bên bán ngưng cung cấp sản phẩm cho Bên mua, Bên mua phải thanh toán hoàn tất số dư nợ (mặc dù số nợ chưa đến hạn trả). Bên bán có quyền yêu cầu đơn vị bảo lãnh trả thay khách hàng số nợ gốc, tiền lãi chậm trả (nếu có) mà không thông báo cho Bên mua. Đồng thời trước thời hạn hết hiệu lực của chứng thư bảo lãnh 05 ngày, toàn bộ sản phẩm tồn kho ký gửi được xác nhận của hai bên sẽ được bảo lãnh chứng thư mới nếu không Bên bán sẽ yêu cầu Ngân hàng bảo lãnh sẽ trả thay toàn bộ giá trị sản phẩm ký gửi tại kho Bên mua chưa xuất hóa đơn mà không phải thông báo cho Bên mua.

ĐIỀU 8: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

8.1. Trách nhiệm của Bên bán:

- Cung cấp kịp thời các sản phẩm đúng quy cách và chủng loại theo yêu cầu của Bên mua trong khả năng của Bên bán;
- Cung cấp các chứng từ liên quan đến sản phẩm cho Bên mua khi giao nhận xong sản phẩm của từng đơn đặt mua sản phẩm;
- Cung cấp kịp thời các thay đổi về giá bán sản phẩm cho Bên mua;
- Đổi lại các sản phẩm bị hư hỏng, khiếm khuyết do lỗi của nhà sản xuất tại kho Bên mua bằng chi phí của Bên bán trừ trường hợp do lỗi của Bên mua.

8.2. Trách nhiệm của Bên Mua:

- Thanh toán tiền mua hàng cho Bên bán đúng hạn;

- Tích cực tiêu thụ sản phẩm đến tận người tiêu dùng thông qua các cửa hàng và các đầu mối bán sỉ và lẻ;
- Nếu có bất cứ thay đổi nào phải thông báo cho Bên bán ngay trước khi nhận sản phẩm;
- Phối hợp cùng Bên bán quảng cáo, giới thiệu các sản phẩm của Bên bán;
- Hỗ trợ Bên bán những thông tin trung thực của thị trường như: tình hình tiêu thụ, giá cả biến động, lượng hàng tồn động, các yêu cầu về chất lượng....

8.3. Quyền lợi của bên Mua:

- Bên mua được hỗ trợ phí bảo lãnh ngân hàng khi thanh lý hợp đồng như sau;
- + 0,6%/năm trên giá trị bảo lãnh với điều kiện doanh thu bình quân tháng đạt $\geq 40\%$ đến $< 60\%$ trên giá trị bảo lãnh;
- + 0,9%/năm trên giá trị bảo lãnh với điều kiện doanh thu bình quân tháng đạt $\geq 60\%$ đến $< 80\%$ trên giá trị bảo lãnh;
- + 1,5%/năm trên giá trị bảo lãnh với điều kiện doanh thu bình quân tháng đạt $\geq 80\%$ trên giá trị bảo lãnh;

ĐIỀU 9: PHẠT VI PHẠM

- 9.1. Nếu Bên mua thanh toán trễ hạn quá 30 (ba mươi) ngày thì Bên bán có quyền tính lãi suất chậm thanh toán theo **điều 6**.
- 9.2. Nếu một Bên đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng hoặc hủy bỏ Đơn hàng trái quy định thì Bên đó phải chịu phạt 8% (tám phần trăm) giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm.
- 9.3. Bên nào vi phạm bất kỳ nghĩa vụ Hợp đồng mà gây thiệt hại cho Bên còn lại thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh.
- 9.4. Bên vi phạm, bên cạnh việc phải chịu phạt vi phạm, còn phải chịu các khoản bồi thường thiệt hại. Bên vi phạm thanh toán tiền phạt và/hoặc tiền bồi thường thiệt hại trong 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi Bên bị vi phạm gửi yêu cầu.

ĐIỀU 10: QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU HÀNG HÓA

- 10.1. Theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, Bên bán đồng ý trao cho Bên mua quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa liên quan đến các sản phẩm đã cung cấp cho Bên mua. Bên mua chỉ được phép sử dụng nhãn hiệu hàng hóa cho việc phân phối sản phẩm đã mua từ Bên bán.
- 10.2. Trong thời hạn của Hợp đồng, song song với việc sử dụng nhãn hiệu, Bên mua cũng được phép sử dụng các tài liệu liên quan đến các sản phẩm.
- 10.3. Bên mua thừa nhận rằng nhãn hiệu là thuộc quyền sở hữu của Bên bán và sẽ không làm điều gì xâm phạm đến quyền sở hữu nhãn hiệu của Bên bán.

ĐIỀU 11: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 11.1 Nếu có phát sinh tranh chấp về chất lượng sản phẩm, hai bên thống nhất giám định chất lượng tại các Trung tâm Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Việt Nam;
- 11.2 Khi có phát sinh tranh chấp về việc thực hiện hợp đồng, nếu hai bên không tự giải quyết được bằng thương lượng hoặc hòa giải thì sẽ được đưa ra tòa án có thẩm quyền

C.T.C
BÊN
L
ĐỒNG NH

tại tỉnh Đồng Nai để giải quyết. Phán quyết của toà là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thực hiện. Chi phí tòa án sẽ do bên thua chịu.

ĐIỀU 12: THỜI HẠN HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 31/01/2027 sau 15 (mười lăm) ngày nếu hai bên không có tranh chấp thì hợp đồng xem như đã được thanh lý.

ĐIỀU 13: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 13.1. Hai bên có trách nhiệm thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận tại Hợp đồng này.
- 13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh khó khăn hay trở ngại thì các bên có trách nhiệm thông báo cho nhau, trong vòng bảy ngày hai bên tổ chức cuộc họp, thảo luận và cùng nhau hợp tác để giải quyết.
- 13.3. Hợp đồng chỉ được sửa đổi khi hai bên cùng đồng ý và ký phụ lục hợp đồng để thực hiện;
- 13.4. Hợp đồng được lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt, Bên Bán giữ hai (02) bản, Bên Mua giữ hai (02) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

M.S.D.



DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN PHÔI THÉP
Số: 01-2026/TNB-VNT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/6/2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021.
- Căn cứ vào khả năng, nhu cầu và sự thỏa thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, chúng tôi gồm có :

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ : 102C Nguyễn Văn Cừ, P. Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 028 39414919 Fax:

Mã số thuế : 0300648264

Tài khoản số : 0071000005287

Tại ngân hàng : Ngân Hàng TM CP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM

Người đại diện: Ông **Hà Minh Huân**

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

(Sau đây gọi là “Bên Bán”)

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ-VNSTEEL

Địa chỉ : Lô số 2, Đường số 3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tài khoản : 111 000 106 412 – NH Công Thương Việt Nam – CN Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Hoặc TK số : 31 00 793619 – NH Đầu Tư và Phát Triển VN - CN Tp.HCM

Tên tài khoản : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Mã số thuế : 0305393838

Người đại diện: Ông **NGUYỄN MINH TÍNH**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Sau đây gọi tắt là “Bên Mua”)

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán phôi thép với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1.1 Các định nghĩa:

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- a) Thời hạn Hợp đồng: Là khoảng thời gian mà các Bên có quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này, bao gồm cả thời gian gia hạn Hợp đồng.
- b) Giá trị Hợp đồng: Là tổng giá trị Hàng hóa mà Bên B phải thanh toán đủ và đúng hạn cho Bên A cho những Hàng hóa mà Bên A đã cung cấp cho Bên B.



- c) Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng: Là văn bản sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng, theo đó quy định cụ thể về chủng loại Hàng hóa, giá Hàng hóa, thời gian, phương thức giao nhận Hàng hóa, khuyến mại và các vấn đề khác có liên quan đến việc mua bán Hàng hóa giữa hai Bên.
- d) Biên bản giao nhận/ nghiệm thu/ bàn giao: Là văn bản được các Bên ký kết nhằm xác nhận số lượng Hàng hóa đã giao nhận, đã nghiệm thu theo thỏa thuận của Hợp đồng này và các Phụ lục.
- e) Bí mật kinh doanh và tài sản sở hữu trí tuệ: Là thông tin, tài liệu, ý tưởng, kinh doanh, hình ảnh v.v... thể hiện hoặc lưu trữ dưới dạng văn bản, file máy tính, thư điện tử, hình ảnh v.v... mà mỗi bên có được và sở hữu hợp pháp.
- f) Thông tin bảo mật: Là những thông tin thuộc bí mật kinh doanh và tài sản, sở hữu trí tuệ nêu tại Hợp đồng, Phụ lục mà các Bên biết hoặc tiếp cận được trong quá trình thực hiện Hợp đồng này.
- g) Người được phép nắm giữ thông tin bảo mật: Là người tham gia trực tiếp hay gián tiếp vào việc thực hiện Hợp đồng của các Bên. Tuy vậy, các Bên thống nhất rằng thỏa thuận này còn được áp dụng cho tất cả nhân viên của các Bên không phải là “Người được phép nắm giữ thông tin bảo mật” nhưng vì lý do nào đó có thể biết hoặc tiếp cận được “Thông tin bảo mật”.
- h) “Bên” nghĩa là Bên A hoặc Bên B, và “Các Bên” nghĩa là Bên A và Bên B.

1.2 Giải thích:

- a) Các từ “của Hợp đồng này”, “trong Hợp đồng này” và “theo Hợp đồng này” và các từ có nội dung tương tự, khi được sử dụng trong Hợp đồng này, sẽ đề cập đến toàn bộ Hợp đồng này và không đề cập đến bất kỳ quy định cụ thể nào của Hợp đồng này.
- b) Nếu có mâu thuẫn giữa nội dung của một điều, khoản, điểm hoặc mục với tiêu đề thì các nội dung của điều, khoản, điểm hoặc mục đó sẽ được áp dụng để giải quyết các vấn đề liên quan. Tiêu đề chỉ để tiện tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích các điều, khoản, điểm hoặc mục hoặc các đoạn áp dụng của Hợp đồng này.

ĐIỀU 2. THÔNG TIN HÀNG HÓA MUA BÁN

- 2.1 Hàng hóa mua bán: Bên A đồng ý bán cho Bên B các Hàng hóa là các loại **Phôi Thép** dựa theo nhu cầu của Bên B và khả năng cung cấp của Bên A. Thông tin chi tiết sẽ quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.
- 2.2 Khối lượng và Giá bán Hàng hóa: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm, nhưng không quá 5.000 tấn/tháng.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG HÓA

3.1 Địa điểm giao hàng:

Hàng được giao trên phương tiện vận chuyển của Bên A tại kho Nhà máy Bên B tại Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

3.2 Thời gian giao hàng: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.

3.3 Căn cứ xác định khối lượng hàng hóa giao nhận làm cơ sở thanh toán:

Khối lượng Hàng hóa được xác định qua cân điện tử của Bên B và số thanh được đếm trực tiếp. Hai Bên lập Biên bản giao nhận Hàng hóa để xác định “Khối lượng Hàng hóa thanh toán”. Bên B có trách nhiệm cung cấp bảng tổng hợp phiếu cân Hàng hóa (qua cân điện tử Bên B) của từng xe hàng cho Bên A để hai Bên làm cơ sở xác định “Khối lượng Hàng hóa thanh toán”.

3.4 Thông báo giao nhận hàng hóa:

Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước về thông tin phương tiện vận chuyển, thành phần hoá học và thời gian dự kiến đến địa điểm giao hàng hóa để Bên B chuẩn bị tiếp nhận; Bên A giao một lô/mẻ dao động từ 12 - 15 tấn.

3.5 Biên bản giao nhận Hàng hóa:

Ngay sau khi kết thúc việc giao nhận hàng hóa, các Bên sẽ tiến hành lập và ký kết Biên bản giao nhận hàng hóa (theo mẫu của Bên B) để làm cơ sở cho việc thanh quyết toán, theo đó:

Đại diện bán hàng của Bên A và đại diện của Bên B sẽ trực tiếp ký kết Biên bản giao nhận ngay sau khi hoàn tất việc giao nhận hàng.

3.6 Quyền sở hữu hàng hóa: Thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa là thời điểm các Bên hoàn thành nghĩa vụ giao/ nhận Hàng hóa (căn cứ theo Biên bản giao/ nhận hàng hóa có chữ ký xác nhận của đại diện các Bên).

ĐIỀU 4. KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ HÀNG HÓA KHÔNG ĐẠT CHẤT LƯỢNG

Trường hợp sau khi giao hàng, Bên B phát hiện lỗi của hàng hóa (lỗi do sản xuất và/ hoặc do Bên A vận chuyển), việc xử lý các khiếu nại về hàng hóa được thực hiện theo quy định sau:

- 4.1 Khiếu nại hàng hóa không đạt chất lượng của Bên B (nếu có) sẽ được lập thành văn bản hoặc email để gửi cho Bên A trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày hoàn tất việc giao nhận Hàng hóa, ghi rõ và đầy đủ các thông tin về hàng hóa không đạt chất lượng (đính kèm kết quả kiểm định của Quatest 3).
- 4.2 Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại về chất lượng hàng hóa của Bên B, Bên A sẽ phản hồi việc tiếp nhận khiếu nại và tích cực tìm nguyên nhân, biện pháp xử lý hàng không đạt chất lượng cho Bên B.
- 4.3 Chi phí liên quan đến việc kiểm định hàng hóa không đạt chất lượng sẽ do Bên A chi trả (nếu có).

ĐIỀU 5. THANH TOÁN

Phương thức thanh toán:

- 5.1 Chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam (VND) theo thông tin tài khoản Bên A như đã đề cập ở trên.
- 5.2 Thời hạn thanh toán: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.
- 5.3 Hồ sơ làm căn cứ quyết toán:
 - a) Biên bản giao nhận/ nghiệm thu Hàng hóa có xác nhận đại diện của hai bên;
 - b) Hóa đơn giá trị gia tăng;
 - c) Giấy chứng nhận chất lượng Hàng hóa ;
 - d) Bảng kê chi tiết giao nhận hàng hoá (Bên B cung cấp);
 - e) Bên bản đối chiếu công nợ (nếu có);
 - f) Biên bản phạt vi phạm/ bồi thường (nếu có);

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

6.1 Nghĩa vụ của Bên A:

- a) Giao Hàng hóa đúng theo các nội dung đã được các Bên xác nhận trên Đơn đặt hàng/ Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng

- b) Xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên B theo đúng quy định.
- c) Chịu trách nhiệm về thông tin và chất lượng Hàng hóa cung cấp cho Bên B theo tiêu chuẩn đã đăng ký.
- d) Người và phương tiện vận chuyển của Bên A khi đến giao Hàng hóa tại Nhà máy Bên B phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định AT-VSLĐ của Bên B. Trong trường hợp có sự bất đồng của các Bên, Bên B có quyền từ chối tiếp nhận phương tiện vào Nhà máy.
- e) Cung cấp đúng và đầy đủ các chứng từ pháp lý, chứng chỉ chất lượng của Hàng hóa theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất đi kèm các Hàng hóa được giao nhận cho Bên B khi có yêu cầu.

6.2 Quyền của Bên A:

- a) Tạm ngưng cung cấp Hàng hóa cho Bên B khi Bên B vi phạm nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng hoặc Đơn đặt hàng.
- b) Từ chối tham gia giải quyết những vướng mắc khi Bên B không tuân thủ theo đúng các điều khoản được nêu trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

7.1 Nghĩa vụ của Bên B:

- a) Nhận Hàng hóa theo đúng thỏa thuận tại Đơn đặt hàng/ Hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng.
- b) Bảo quản Hàng hoá sau khi nhận theo đúng yêu cầu kỹ thuật của Bên A. c) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận.
- d) Liên hệ trực tiếp với Lãnh đạo cao nhất của Phòng kinh doanh hoặc Người được ủy quyền hợp pháp của Bên A nếu trong quá trình giao dịch gặp phải các khó khăn, vướng mắc.

7.2 Quyền của Bên B:

Được quyền từ chối nhận Hàng hóa khi Bên A giao Hàng hóa không đúng tiêu chuẩn, yêu cầu.

ĐIỀU 8. VI PHẠM VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- 8.1 Vi phạm Hợp đồng: Là trường hợp một trong các Bên có hành vi vi phạm các điều khoản, nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục hoặc không đáp ứng được các điều kiện đảm bảo việc thực hiện Hợp đồng, trừ khi Bên vi phạm do Sự Kiện Bất Khả Kháng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để chấn chỉnh và đã khắc phục vi phạm đó trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.
- 8.2 Phạt vi phạm Hợp đồng: Nếu Bên vi phạm Hợp đồng không chấm dứt ngay hành vi vi phạm và/ hoặc không khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn được nêu ở thông báo của Bên bị vi phạm, thì Bên vi phạm, ngoài nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên kia, còn bị phạt vi phạm Hợp đồng bằng tám phần trăm (08%) giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

ĐIỀU 9. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2026.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG

- 10.1 Bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên, khiến một/ các Bên không thể thực hiện nghĩa vụ/ chậm trễ thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng như: động đất, bão lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,...và các thảm

hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

10.2 Trách nhiệm của các Bên khi gặp sự kiện bất khả kháng: Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện Bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để Bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- a) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- b) Thông báo ngay cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng bảy (07) ngày sau khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng.

10.3 Nếu Bất khả kháng tiếp diễn trong thời kỳ liên tục vượt quá ba mươi (30) ngày, hai Bên sẽ thỏa thuận trong thời gian sớm nhất về việc tiếp tục thực hiện hoặc hủy bỏ Hợp đồng mà hai bên đều không có bất cứ khiếu nại nào đối với nhau.

ĐIỀU 11. THÔNG BÁO VÀ LIÊN LẠC

- 11.1 Thông báo với Bên còn lại phải được thể hiện dưới dạng email/ văn bản và phải được chuyển: (i) trao tận tay, hoặc (ii) gửi đảm bảo qua các công ty vận chuyển thư tín, hoặc (iii) thư điện tử (email) đến địa chỉ của Bên đó theo Hợp đồng.
- 11.2 Địa chỉ nhận Thông báo các Bên là địa chỉ tại phần đầu của Hợp đồng hoặc địa chỉ khác do các Bên thông báo bằng văn bản cho Bên kia theo từng thời gian.
- 11.3 Các thông báo được coi là đã nhận vào ngày thông báo đó (i) được chuyển tận tay và có chữ ký xác nhận của bên nhận, hoặc (ii) được gửi bằng email.
- 11.4 Các Bên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại cùng với các tài liệu kèm theo trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi xảy ra mọi thay đổi làm ảnh hưởng đến việc thi hành các điều khoản của Hợp đồng này như: thay đổi tên, địa chỉ, người đại diện, loại hình doanh nghiệp; văn phòng giao dịch, người phụ trách.

ĐIỀU 12. BẢO MẬT THÔNG TIN

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên cam kết thực hiện những nội dung sau:

- 12.1 Bảo mật thông tin của các Bên khi được Bên còn lại giao để triển khai Hợp đồng.
- 12.2 Không sử dụng, sao chép hay tạo mới các công việc hay Hàng hóa dựa trên các thông tin này vì mục đích khác ngoài phạm vi công việc theo Hợp đồng.
- 12.3 Không cung cấp Thông tin bảo mật cho bất kỳ ai hoặc Bên thứ ba khác biết khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên có quyền sở hữu với Thông tin bảo mật ngoại trừ việc cung cấp theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 12.4 Cam kết không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của nhau trong quá trình thực hiện Hợp đồng liên quan theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 13. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 13.1 Các hoạt động liên quan đến việc mua bán Hàng hóa theo Hợp đồng này được ưu tiên áp dụng và điều chỉnh theo Luật thương mại Việt Nam hiện hành.
- 13.2 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có phát sinh tranh chấp thì hai bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác và cùng có lợi. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng thì sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tỉnh Đồng Nai để giải quyết. Mọi phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà các Bên phải tuân thủ. Bên thua sẽ phải chịu mọi án phí, bao gồm cả chi phí Luật sư của bên thắng và khoản phạt/ bồi thường theo phán quyết của Tòa án.

ĐIỀU 14. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 14.1 Bất cứ sửa đổi/ bổ sung nào đối với Hợp Đồng này đều phải lập thành văn bản, được đại diện có thẩm quyền của các Bên ký tên, đóng dấu mới có hiệu lực.
- 14.2 Các Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng phát sinh sau đó theo từng thời điểm là một phần không tách rời của Hợp đồng này. Điều khoản nào trong Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng mâu thuẫn với các điều khoản trong Hợp đồng này thì các điều khoản tại Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 14.3 Không điều gì trong Hợp đồng này được hiểu là một Bên làm đại diện của Bên còn lại và không Bên nào có thẩm quyền ràng buộc Bên kia hoặc ký kết Hợp đồng dưới tên của Bên kia hoặc tạo ra trách nhiệm cho Bên kia bằng bất cứ cách thức nào.
- 14.4 Không có bất kỳ sự miễn trừ của một Bên nào về quyền lợi, chế tài theo Hợp đồng này có hiệu lực, trừ khi miễn trừ đó được lập thành văn bản và được các Bên ký kết. Việc một Bên chưa thực hiện hoặc chậm trễ thực hiện một quyền hay áp dụng biện pháp chế tài theo Hợp đồng này sẽ không có nghĩa là Bên đó đã khước từ quyền của mình.
- 14.5 Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của một Bên, Bên còn lại không được chuyển nhượng, chuyển giao hoặc thế chấp một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ nào của Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm.
- 14.6 Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ hai (02) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN

3838
CÔNG TY
HÀN
NHÀ
STEEL
CH - T. 1



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA

SỐ: 01/2026-HĐVC/VNTĐN-TNB

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam có hiệu lực áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2017;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam có hiệu lực áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2006;
- Căn cứ Bộ luật Hàng hải nước CHXHCN Việt Nam.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ-VNSTEEL (Bên Thuê dịch vụ vận chuyển)

Địa chỉ : Lô số 2, Đường số 3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tài khoản : 11 000 106412 – NH Công Thương Việt Nam – CN Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Hoặc TK số : 3100 793619 – NH Đầu Tư và Phát Triển VN - CN TP.HCM

Tên tài khoản : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Mã số thuế : 0305393838

Do Ông : **NGUYỄN MINH TÍNH** Chức vụ : **Tổng Giám đốc**

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM (Bên cung cấp dịch vụ vận chuyển)

Địa chỉ : 102C Nguyễn Văn Cừ, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Do Ông : **HÀ MINH HUẤN** - Tổng Giám đốc làm đại diện.

Mã số thuế : 0300648264

Tài khoản : 0071000005287 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP.HCM

Bên A và Bên B sau đây gọi chung là “**Hai Bên**”/ “**Các Bên**” và gọi riêng là “**Bên**”.

Sau khi bàn bạc, thỏa thuận, Hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ vận chuyển hàng hóa (sau đây gọi tắt là “**Hợp Đồng**”) với các điều kiện và điều khoản như sau:

Điều 1. PHẠM VI HỢP ĐỒNG

1.1. Bên A đồng ý thuê Bên B và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức (“**Dịch Vụ**”) cho hàng hóa của Bên A.

1.2. Bên B chịu trách nhiệm đối với toàn bộ Hàng Hóa trong quá trình vận chuyển cho đến khi Hàng Hóa được giao cho Bên A tại địa điểm thỏa thuận tại Cảng Thép Miền Nam, Thành phố Hồ Chí Minh đến Cảng X50 tại Đà Nẵng

Điều 2. TÊN HÀNG HÓA, SỐ LƯỢNG, QUY CÁCH

2.1. Chi tiết Hàng Hóa: **Thép thành phẩm**

2.2. Số lượng : theo từng đợt vận chuyển Tàu do bên A quyết định và thông báo cho Bên B trước 05 ngày.

Điều 3. PHƯƠNG THỨC VẬN CHUYỂN, PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN.

3.1. Vận chuyển bằng phương tiện đường thủy nội địa: Tàu thủy/sà lan (Chứng nhận đăng ký Phương tiện kèm theo)

Cấp Phương tiện: VR SB/VR SI Công dụng: Chở hàng khô hoặc container

3.2. Phương thức giao nhận: Đếm số bó/ cuộn.

3.3. Khối lượng hàng được xác định bằng phiếu Giao nhận sản phẩm của Bên A là cơ sở để tính cước vận chuyển.

Điều 4: ĐIỀU KIỆN GIAO NHẬN, THỜI GIAN GIAO NHẬN, TUYẾN ĐƯỜNG VẬN CHUYỂN VÀ ĐỊA ĐIỂM TRẢ HÀNG:

4.1. Địa điểm nhận hàng: Cảng Thép Miền Nam, Thành phố Hồ Chí Minh/ Cảng Long Bình Tân, Đồng Nai.

4.2. Địa điểm giao hàng: Cảng X50 tại Đà Nẵng (Cảng X50, phường Sơn Trà, TP. Đà Nẵng)

4.3. Cảng Thép Miền Nam, Thành phố Hồ Chí Minh/ Cảng Long Bình Tân, Đồng Nai đến cảng X50 tại Đà Nẵng.

4.4. Điều kiện giao nhận: FIO

4.5. Thời gian giao nhận:

- Thời gian xếp dỡ hàng: trong vòng 7 ngày ở hai đầu cảng.(Trừ trường hợp bất khả kháng)
- Trường hợp vượt quá 7 ngày sẽ đóng mức phạt là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng chẵn) 01 ngày.
- Thời gian nhận hàng được tính từ lúc có thông báo giao hàng của Bên A.

Điều 5: THỜI GIAN HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng có giá trị kể từ ngày 02/01/2026 cho đến hết ngày 31/12/2026

5.2 Trong mọi trường hợp chấm dứt Hợp đồng, những vấn đề đang được giải quyết hoặc Đơn Đặt Hàng đã được hai bên xác nhận (nếu có) vẫn tiếp tục thực hiện đến khi hoàn tất, các quyền và nghĩa vụ giữa hai bên sẽ chấm dứt khi đã hoàn thành nghĩa vụ với nhau. Trong trường hợp một trong hai bên vi phạm hợp đồng thì bên kia có quyền chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo trước cho bên kia bằng văn bản trong vòng 12h làm việc. Quá thời hạn trên mà không có phản hồi thì hợp đồng được coi là vô hiệu.

Điều 6: ĐƠN GIÁ VẬN CHUYỂN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

6.1 Đơn giá vận chuyển như sau:

- **150.000 đồng/tấn** (Một trăm năm mươi nghìn đồng/tấn) Đối với tuyến đường vận chuyển từ Cảng Thép Miền Nam, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Cảng Long Bình Tân, Đồng Nai đến cảng X50 tại Đà Nẵng
- **165.000 đồng/tấn** (Một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng/tấn) Đối với tuyến đường vận chuyển nhận hàng ở 02 cảng (Cảng Thép Miền Nam và Cảng Long Bình Tân, Đồng Nai) đến cảng X50 tại Đà Nẵng.

6.2 Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT, bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường biển.

6.3 Nếu có biến động về giá vận chuyển, hai bên sẽ cùng đàm phán lại giá vận chuyển phù hợp theo thị trường.

6.4 Phương thức thanh toán:

Hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng vận chuyển theo từng đợt vận chuyển.

Bên B sẽ phát hành hóa đơn điện tử trong vòng 03 ngày (ba ngày) làm việc.

Bên A thanh toán 100% số tiền vận chuyển cho Bên B sau khi bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán trong vòng 10 ngày (mười ngày), bao gồm:

- + Hóa đơn GTGT điện tử
- + Biên bản giao nhận hàng có chữ ký xác nhận của đại diện hai bên.

6.5 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

6.6 Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng (VND).

Điều 7: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

7.1 Trách nhiệm của Bên A.

- Được Bên B thực hiện dịch vụ vận chuyển hàng hóa theo đúng thỏa thuận hợp đồng
- Bên A cử cán bộ thường xuyên liên lạc với quản lý cảng và văn phòng của Bên B điều phối thông tin, theo dõi trong quá trình vận chuyển hàng hóa, ký xác nhận phiếu giao nhận hàng.
- Thanh toán cho Bên B theo Điều 6 của Hợp đồng.
- Cung cấp cho Bên B đầy đủ, chính xác các thông tin địa điểm giao hàng, đặc tính tự nhiên, tên dịch tiếng Việt, ký mã hiệu, số lượng, kích thước, đặc tính riêng, trọng lượng, thời gian nhận Hàng Hóa và các thông tin cần thiết khác đối với Hàng Hóa vận chuyển, nhằm đảm bảo an toàn cho Hàng Hóa.
- Các thay đổi liên quan đến Hàng Hóa và vận chuyển Hàng Hóa đều phải được Bên A thông báo cho Bên B ít nhất hai mươi bốn (24) giờ đồng hồ trước giờ nhận hàng và xếp lên phương tiện vận chuyển tại điểm lấy hàng để Bên A sắp xếp phương tiện, nhân lực phục vụ. Thông báo được thực hiện qua điện thoại hoặc email do bên A cung cấp.
- Đảm bảo lô hàng đủ điều kiện và hợp pháp cho hàng hóa. Trong trường hợp chính quyền sở tại ở các cảng trung chuyển và đến có phát hiện Hàng Hóa có nghi vấn và yêu cầu giữ hàng lại để kiểm tra, Bên A sẽ có trách nhiệm đứng ra giải quyết mọi rắc

rồi phát sinh trực tiếp và gánh chịu mọi chi phí phát sinh (bao gồm chi phí phát sinh của bên B do trì hoãn dẫn đến quá trình vận chuyển bị kéo dài) để giải phóng lô hàng đi tiếp đến cảng đích sớm nhất.

- Mua bảo hiểm (hoặc ủy quyền cho 1 đơn vị khác mua bảo hiểm) cho Hàng Hóa trong suốt quá trình vận chuyển, giao nhận Hàng Hóa.
- Có trách nhiệm bố trí phương tiện, nhân công cầu hạ 02 đầu bến.
- Thu xếp phương tiện, nhân lực cầu hạ hàng hóa xuống Tàu/sà lan tại Địa điểm nhận hàng và cầu hạ hàng Tàu/sà lan lên Địa điểm giao hàng căn cứ vào thời gian thông báo giao hàng của Bên A.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, hợp đồng này và theo thỏa thuận của các bên từng thời điểm.

7.2 Trách nhiệm của Bên B:

- Bên B được Bên A thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng. Bên B có quyền tạm ngừng thực hiện dịch vụ cho Bên A khi không được thanh toán đúng thời gian thỏa thuận.
- Lập biên bản đối chiếu công nợ và gửi cho Bên A để làm căn cứ thanh toán.
- Đảm bảo đầy đủ điều kiện và năng lực pháp lý, có tất cả các giấy phép, chấp thuận, chứng chỉ, v.v còn hiệu lực của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tham gia ký kết và thực hiện Hợp Đồng này với Bên A.
- Cung cấp đầy đủ phương tiện đảm bảo an toàn kỹ thuật để vận chuyển theo đúng thời gian giao nhận đã cam kết. Đảm bảo phương tiện vận tải được sử dụng có đầy đủ giấy chứng nhận, giấy phép hoạt động còn hiệu lực phù hợp để việc vận chuyển Hàng Hóa được tiến hành thuận lợi, đúng tiến độ, thời hạn quy định tại Hợp Đồng và Phụ lục Hợp Đồng theo đúng qui định vận chuyển đường thủy đảm bảo tính hợp pháp của Luật Việt Nam.
- Chịu trách nhiệm bảo quản Hàng Hoá, tình trạng nguyên đai kiện kể từ khi nhận hàng tại địa điểm nhận Hàng Hóa cho đến khi giao trả Hàng Hóa cho Bên A hoặc người nhận hàng do Bên A chỉ định tại Địa điểm giao hàng tại Điều 4 Hợp Đồng này.
- Đảm bảo tuân thủ những qui định của nhà máy khi vào nhận hàng.
- Bàn giao chứng từ hợp lệ, cần thiết liên quan đi kèm theo lô hàng cho người nhận hàng của Bên A tại địa điểm nhận hàng như hóa đơn (nếu có), phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, Biên bản giao nhận...
- Phải đảm bảo hàng hóa được để trên bề mặt khô ráo che đậy cẩn thận và được an toàn trong suốt quá trình vận chuyển. Tại địa điểm trả hàng, nếu hàng hóa bị thiếu hụt so với Phiếu Xuất kho tại nhà máy của Bên A thì Bên B phải bồi thường cho Bên A giá trị của toàn bộ lượng hàng thiếu hụt đó và những chi phí phát sinh (nếu có). Đồng thời bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị thiệt hại nếu hàng hóa bị hư hỏng do lỗi của Bên B. Căn cứ tính chi phí bồi thường dựa trên giá bán nội địa của bên A tại thời điểm xảy ra hư hỏng, mất mát.
- Thông báo cho Bên A tất cả các vấn đề phát sinh nếu có, để cùng bàn bạc thương lượng các phương hướng để xử lý kịp thời.

- Thông báo ngay cho bên A bằng văn bản khi có những phát sinh trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển do các điều kiện địa hình địa chất, môi trường xung quanh ảnh hưởng tới công việc hoặc các điều kiện bất khả kháng.
- Tham gia cùng bên A giải quyết những vướng mắc trong quá trình bốc dỡ.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Hợp Đồng này và thỏa thuận của các Bên từng thời điểm.

Điều 8 : VI PHẠM – TẠM NGỪNG – CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại, nếu Bên A có một trong những hành vi sau đây:
 - Không thanh toán tiền thuê vận chuyển theo Điều 6 của hợp đồng này.
 - Hàng Hóa của bên A là hàng cấm theo quy định của Nhà Nước Việt Nam và không có giấy tờ xác minh nguồn gốc hàng hóa.
 - Bên A không thể sắp xếp nhân lực, phương tiện và kho bãi để nhận hàng khi bên B đã vận chuyển đến địa điểm giao hàng chỉ định tại Hợp Đồng này quá thời hạn mười (10) ngày.
- Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng này Bên B phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất mười lăm (15) ngày và bên A phải thanh toán tất cả khoản công nợ cho bên B. Bên B sẽ không được hoàn trả tiền tạm ứng đặt cọc nếu không thông báo trước cho bên A theo quy định.
- Trong trường hợp quá thời hạn trên, Bên A sẽ trả cho Bên B khoản lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quá hạn do Ngân Hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Điều 9 : BẤT KHẢ KHÁNG

Trong thời gian thực hiện Hợp Đồng này, những sự kiện sau được coi là Sự Kiện Bất Khả Kháng: Mưa, Bão lụt, động đất, chiến tranh, hỏa hoạn, sự thay đổi của chính sách, pháp luật, ngăn cấm của cơ quan nhà nước hoặc các sự kiện khách quan khác.

Với điều kiện:

1. Sự kiện đó hoàn toàn nằm ngoài sự kiểm soát hợp lý hoặc không do lỗi hoặc sơ suất của bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng, mặc dù bên đó đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và trong khả năng cho phép để đề phòng, khắc phục hoặc giảm bớt thiệt hại, gây ra việc chậm trễ hoặc gián đoạn, đình trệ việc thực hiện nghĩa vụ trong Hợp Đồng này;
2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng phải thông báo văn bản cho bên kia, trong đó nêu chi tiết về Sự Kiện Bất Khả Kháng, các biện pháp đã tiến hành để đề phòng, khắc phục thiệt hại, dự kiến kế hoạch khắc phục và biện pháp giải quyết.
3. Trừ khi có ý kiến khác của bên A bằng văn bản, bên B vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tiến hành mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị sự kiện bất khả kháng gây trở ngại. Trong trường hợp một Sự Kiện Bất Khả Kháng kéo dài hơn 30 ngày, bất kỳ bên nào cũng có thể, bằng một thông báo bằng văn bản gửi bên kia, đơn phương

chấm dứt Hợp Đồng này. Việc chấm dứt Hợp Đồng trong trường hợp này sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của bên kia theo Hợp Đồng.

Điều 10: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Bất kỳ tranh chấp nào giữa các Bên liên quan đến Hợp Đồng này trước tiên phải được giải quyết trên cơ sở thương lượng hòa giải. Trong trường hợp không thể giải quyết được qua thương lượng hòa giải, một trong các bên sẽ đưa vụ việc đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo Pháp luật hiện hành.

Điều 11: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Các Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp Đồng này. Bên nào đơn phương tạm ngưng, đình chỉ Hợp đồng này mà không có lý do chính đáng sẽ bị phạt vi phạm theo quy định của Pháp luật. Đồng thời bồi thường thiệt hại cho bên kia (nếu có).

Sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn của hợp đồng nếu các bên hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan bao gồm: nghĩa vụ vận chuyển giao nhận hàng hóa, nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ bồi thường (nếu có) và nghĩa vụ bảo mật thông tin thì hợp đồng được mặc nhiên thanh lý.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày Hai bên ký kết.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản (bằng tiếng việt) có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để cùng thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

T.C.P. /VA/

M.S.D.



DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

SỐ: 012026/TNB-VIN/HĐNT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/6/2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021.
- Căn cứ vào khả năng, nhu cầu và sự thỏa thuận của hai bên.

Hôm nay ngày tháng năm 2026 tại văn phòng Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Việt Nam chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ-VNSTEEL

Địa chỉ : Lô số 2, Đường số 3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số GCNĐKDN: 0305393838 đăng ký lần đầu ngày 25/12/2007, thay đổi lần thứ 10 ngày 06/09/2025.

Tài khoản : 11 000 106412 – NH Công Thương Việt Nam – CN Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Hoặc TK số : 3100 793619 – NH Đầu Tư và Phát Triển VN - CN TP.HCM

Tên tài khoản : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Mã số thuế : 0305393838

Đại diện bởi ông/bà : **NGUYỄN MINH TÍNH** Chức vụ : **Tổng Giám đốc**

(Sau đây gọi tắt là “Bên Mua”)

**BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
(TÊN VIẾT TẮT: VINATRANS)**

Địa chỉ : 102C Nguyễn Văn Cừ, P. Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Tài khoản : 0071000005287 tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP.HCM

Mã số thuế : **0300648264**

Đại diện bởi ông/bà: Ông **HÀ MINH HUẤN** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

(Sau đây gọi là “Bên Bán”)

Hai Bên đồng ý ký kết hợp đồng này với những điều khoản được nêu, bao gồm những chứng từ ghi rõ giá dịch vụ kèm theo trong hợp đồng.

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH

1.1. Định nghĩa

- “Hợp đồng” là thỏa thuận về dịch vụ, bao gồm Phụ lục;
- “Phí” là khoản phí do Bên bán yêu cầu thanh toán, được thể hiện ở Bảng báo giá được đồng ý bởi hai Bên;
- “Chi hệ” là các khoản chi do Bên bán thực hiện thanh toán cho bên thứ ba theo yêu cầu của Bên mua;
- “Ngày hiệu lực” là ngày được đề cập ở trên, hoặc nếu sớm hơn, là ngày mà Dịch vụ bắt đầu;
- “Bất khả kháng” có nghĩa là nguyên nhân, điều kiện, sự kiện hoặc hoàn cảnh xảy ra một cách khách quan, nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lý, bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện thiên tai như lũ lụt, bão, động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, hành động khủng bố, đình công, cấm vận, hoặc thay đổi chính sách của Chính phủ và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.
- “Dịch vụ” là dịch vụ cung cấp bởi Bên bán cho Bên mua như được quy định ở Phụ lục; “SOPs” là quy trình hoạt động chuẩn (nếu có), được đính kèm ở Phụ lục;
- “Nhà thầu phụ được ủy quyền bởi Bên bán” là bên thứ ba được Bên bán sử dụng trong quá trình thực hiện các dịch vụ theo Hợp đồng này bao gồm nhưng không giới hạn công ty giám định...
- Chỉ số đánh giá hiệu quả công việc “KPIs” là hiệu quả công việc của Bên bán trong thời hạn Hợp đồng như quy định tại các Phụ lục.

1.2. Nguyên tắc giải thích Hợp Đồng Trong Hợp Đồng này, trừ khi có các quy định khác:

- (a) Các tiêu đề chỉ mang ý nghĩa thuận lợi cho việc tham chiếu và không ảnh hưởng đến việc giải thích ý nghĩa của quy định trong Hợp Đồng này.
- (b) Việc tham chiếu đến từng Điều, các Điều và các đoạn trong các Phụ Lục ở trong tài liệu này, trừ khi có những quy định khác, được tham chiếu đến chính từng Điều, các Điều và các đoạn của Hợp Đồng này.
- (c) Những cụm từ “của Hợp Đồng này”, “trong Hợp Đồng này” và “dưới đây” và những cụm từ có ý nghĩa tương tự, được sử dụng trong Hợp Đồng này, chỉ mang tính chất tham chiếu tới toàn bộ Hợp Đồng này, chứ không có ý nghĩa tham chiếu đến bất kỳ các quy định cụ thể nào trong Hợp Đồng này. Việc tham chiếu đến bất kỳ tài liệu, chỉ dẫn, hoặc Hợp đồng, Bản thỏa thuận nào, sẽ (i) bao gồm tất cả các phụ lục, tài liệu kèm theo, và các tài liệu đính kèm khác của nó, (ii) bao gồm tất cả các tài liệu, các chỉ dẫn, hoặc Hợp đồng, Bản thỏa thuận được thông qua

và ký kết để thay thế cho những tài liệu, các chỉ dẫn, hoặc Hợp đồng, Bản thỏa thuận nêu trên, và (iii) có nghĩa là các tài liệu, chỉ dẫn hoặc Hợp đồng, Bản thỏa thuận, hoặc các tài liệu, chỉ dẫn hoặc Hợp đồng, Bản thỏa thuận thay thế của nó, hoặc các sửa đổi, thay đổi và bổ sung của nó, tại từng thời điểm, theo các điều khoản nêu ở đây và có hiệu lực, tại từng thời điểm.

(d) “Bảng văn bản”, “thành văn bản” và các thuật ngữ tương đương được dùng để đề cập đến việc in ấn, đánh máy và các phương tiện tạo ra văn bản khác (bao gồm cả phương tiện điện tử) ở dạng có thể nhìn thấy.

(e) Bất kỳ thuật ngữ số ít nào trong Hợp Đồng này sẽ được coi là bao gồm số nhiều và bất kỳ thuật ngữ số nhiều đều được coi là đã bao gồm số ít.

(f) Mọi tham chiếu tới “các ngày” có nghĩa là tham chiếu tới ngày theo lịch, trừ khi Ngày Làm Việc được quy định rõ ràng.

ĐIỀU 2: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

2.1. Bên mua đồng ý cho Bên bán cung cấp Dịch vụ với các điều khoản và điều kiện theo Hợp đồng này.

2.2. Bên bán đồng ý cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu của Bên mua liên quan đến các công việc sau:

- Thu xếp dịch vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường hàng không/ biển từ Việt Nam đi nước ngoài và ngược lại tùy thuộc mỗi đơn đặt hàng.
- Giao nhận và vận chuyển hàng hóa nội địa.
- Dịch vụ khai quan.
- Đại lý hải quan.
- Thực hiện thủ tục xin các chứng nhận, kiểm tra chuyên ngành, tự công bố, công bố hợp quy, đăng ký, thông báo và kiểm tra chất lượng.
- Các dịch vụ khác theo yêu cầu của Bên mua.

2.3. Trong khuôn khổ Hợp đồng này, các Bên sẽ ký tiếp các Phụ lục, SOPs quy định chi tiết về nội dung công việc, chất lượng dịch vụ, thời gian và địa điểm giao hàng, phí dịch vụ, phương thức thanh toán và các điều khoản khác (nếu có).

2.4. Theo đó, Bên Mua sẽ yêu cầu dịch vụ tương ứng cho từng lô hàng cụ thể bằng văn bản, email, fax... Chi tiết về loại hình dịch vụ, thủ tục, thời gian và địa điểm thực hiện và hoàn thành công việc, chi phí, v.v... sẽ được hai Bên thống nhất trước khi thực hiện.

2.5. Các Bên sẽ dựa theo SOPs để thực hiện Dịch vụ và SOPs sẽ được cập nhật theo từng thời điểm tùy thuộc vào nhu cầu vận hành của Bên mua.

ĐIỀU 3: PHÍ DỊCH VỤ VÀ THANH TOÁN

3.1. Phí dịch vụ được thể hiện trong Bảng chào giá do Bên bán cung cấp và được thống nhất với Bên mua. Phí dịch vụ này sẽ cố định trong kỳ tính phí được thỏa thuận bởi Bên bán và Bên mua

qua các hình thức: văn bản, email, tin nhắn.

3.2. Nếu có bất kỳ thay đổi nào về Phí, Bên bán phải thông báo bằng văn bản cho Bên mua và báo phí mới sẽ chỉ được áp dụng khi Bên bán nhận được chấp thuận bằng văn bản, email, tin nhắn của Bên mua.

3.3. Trong vòng hai ngày làm việc kể từ ngày Bên mua nhận được bảng kê phí dịch vụ của Bên Bán, Bên mua có trách nhiệm kiểm tra và xác nhận bảng kê. Trường hợp quá thời hạn trên, Bên bán không nhận được phản hồi từ Bên mua, Bên bán hiểu rằng Bên mua đã đồng ý với toàn bộ nội dung bảng kê.

3.4. Tất cả các khoản phí dịch vụ, của mỗi lô hàng đã được thực hiện dịch vụ hoàn tất và nhận đủ chứng từ sẽ được Bên mua thanh toán toàn bộ phí cho Bên bán trong vòng 15 ngày hóa đơn dịch vụ hoặc ngày Bên bán cung cấp bảng kê dịch vụ.

3.5. Đối với tất cả các khoản chi hộ, lệ phí của mỗi lô hàng đã được thực hiện dịch vụ hoàn tất và nhận đủ chứng từ sẽ được Bên mua thanh toán toàn bộ phí cho Bên bán trong vòng 7 ngày

3.6. Tổng hạn mức công nợ dịch vụ và chi hộ là: **1.000.000.000đ (Một tỷ đồng)**

3.7. Phương thức thanh toán bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

3.8. Chứng từ thanh toán được quy định trong các SOPs hoặc Phụ lục.

3.9. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên mua nhận được bộ chứng từ yêu cầu thanh toán của Bên bán, bên mua thanh toán bằng chuyển khoản cho Bên bán theo thứ tự khoản nào phát sinh trước thanh toán trước. Nếu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổng số tiền dịch vụ phát sinh đã vượt quá hạn mức công nợ, thì Bên mua phải thanh toán tổng công nợ vượt trong thời gian 7 ngày kể từ ngày công nợ phát sinh vượt hạn mức. Quá thời hạn thanh toán, ngoài nợ gốc, bên B phải thanh toán cho bên A tiền lãi chậm trả tính trên phần nợ quá hạn theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng Ngoại thương Chi nhánh Hồ Chí Minh cộng 3,0%/năm.

3.10. Dựa vào thỏa thuận, Bên bán có quyền hoàn thành toàn bộ công việc đang thực hiện và theo đó Bên mua phải thanh toán đầy đủ cho công việc theo báo giá hiện hành của Hợp đồng này đối với trường hợp chấm dứt trước thời hạn.

ĐIỀU 4: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

4.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2026 hoặc cho đến khi bị chấm dứt theo các trường hợp sau đây:

4.1.1 Một Bên gửi văn bản thông báo cho Bên còn lại trước ít nhất ba (03) tháng và nhận được sự đồng ý của Bên còn lại.

4.1.2 Bên bán hoặc Bên mua vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này và các bên không có thỏa thuận nào khác bằng văn bản.

4.1.3 Bên vi phạm Hợp đồng và không thể khắc phục vi phạm trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày được thông báo của Bên còn lại.

4.2. Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng, Các bên trong Hợp đồng này vẫn phải tiếp tục hoàn thành toàn bộ các quyền và nghĩa vụ đã phát sinh trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

ĐIỀU 5: THÔNG TIN

5.1. Bên mua sẽ cung cấp cho Bên bán hướng dẫn đầy đủ, và rõ ràng nhất có thể về khối lượng, quy cách cũng như các thông tin khác liên quan đến Dịch vụ.

5.2. Bên bán sẽ cập nhật một cách đầy đủ và kịp thời cho Bên mua các thông tin quy định về việc cung cấp Dịch vụ

ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

6.1 Trách nhiệm của Bên bán:

6.1.1. Đảm bảo có đầy đủ điều kiện pháp lý để tham gia và thực hiện Hợp đồng này.

6.1.2. Yêu cầu Bên mua cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này.

6.1.3. Cung cấp miễn phí các tư vấn nghiệp vụ tuân thủ quy định hiện hành liên quan đến các dịch vụ khai báo hải quan mà được cung cấp theo Hợp đồng này.

6.1.4. Đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp theo đúng kế hoạch và tiến độ cam kết.

6.1.5. Thực hiện, hoàn thành mọi thủ tục hợp lý và cần thiết theo từng yêu cầu dịch vụ của Bên mua

6.1.6. Thay mặt Bên mua, Bên bán trả hộ trước các phí và/hoặc chi phí liên quan đến dịch vụ tại Điều 2.

6.1.7. Yêu cầu Bên mua thanh toán phí dịch vụ theo quy định tại Hợp đồng và Phụ lục (nếu có).

6.1.8. Bên bán được miễn trách nhiệm về tổn thất do mất mát, hư hỏng hàng hóa trong các trường hợp sau:

- Nguyên nhân bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan được quy định ở điều 5.
- Hành động xấu, cố ý hay hành vi phạm pháp của Chủ hàng hay người làm công cho họ;
- Những mất mát, hư hỏng hay chi phí do khuyết tật vốn có, ẩn tỳ hoặc do tính chất đặc thù tự nhiên vốn có của loại hàng hóa;
- Xếp hàng quá tải (đối với hàng chở nguyên container) hoặc xếp sai quy cách không đảm bảo an toàn cho hàng hóa khi vận chuyển hoặc khai báo sai hàng hóa theo quy định của hợp đồng này.
- Đóng gói sai quy cách, bao bì không thích hợp hoặc hàng bị hỏng từ trước khi xếp lên phương tiện vận chuyển.
- Bên vận chuyển không chịu trách nhiệm chất lượng, số lượng hàng hóa xếp trong container nếu số chỉ còn nguyên vẹn, vỏ container không có hiện tượng va đập và móp méo trong quá

trình vận chuyển.

- Các trường hợp khác theo quy định của Công ước Brussel, Quy tắc Hamburg, Bộ luật hàng hải Việt Nam 2015, Luật thương mại 2005, Nghị định 87/2009/NĐ-CP, các văn bản sửa đổi, bổ sung và/hoặc các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan của Việt Nam.

6.2 Trách nhiệm của Bên mua

6.2.1. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn tất cả các khoản phí (dịch vụ, chi hộ, ...) được quy định tại Điều 3.

6.2.2. Thông báo cho Bên bán kế hoạch xuất/nhập hàng, chi tiết hàng hóa qua fax, điện thoại, email để Bên bán chuẩn bị thực hiện.

6.2.3. Cung cấp mẫu, các thông tin liên quan và các chứng từ cần thiết khác một cách chính xác, kịp thời theo thỏa thuận của hai Bên như: Chứng nhận CFS, Chứng nhận sức khỏe, Vận đơn, Hóa đơn thương mại, Danh sách đóng gói, Hợp đồng mua bán, Chứng nhận xuất xứ (CO), Thư tín dụng (L/C) (nếu có) ...

6.2.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp cung cấp các tài liệu **bất** hợp pháp, không hợp lệ cho Bên bán dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật.

6.2.5. Chịu trách nhiệm cho mọi rủi ro liên quan đến tình trạng pháp lý của hàng hóa; sự sai sót, không phù hợp của chứng từ/ tài liệu của hàng hóa, xuất xứ hàng hóa. Bên mua sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả các chi phí phát sinh (nếu có).

6.2.6. Hỗ trợ Bên bán áp dụng mã HS, nếu có sự mâu thuẫn giữa các Bên, quyết định cuối cùng thuộc về Bên mua.

6.2.7. Thực hiện xác nhận chứng từ/ tờ khai/ vận đơn... do Bên bán cung cấp.

6.2.8. Nộp thuế nhập/ xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng, các loại thuế khác liên quan đến hàng hóa nhập khẩu theo quy định pháp luật hiện hành.

6.2.9. Đảm bảo tất cả đường đi và kho bãi tại nơi giao/ nhận hàng phải trong điều kiện tốt và an toàn cho việc đóng dỡ hàng và thông báo Bên bán các điều kiện, thời gian giao hàng.

6.2.10. Thanh toán phí dịch vụ, phí chi hộ, lệ phí, phụ phí, ... được thống nhất khác trong trường hợp phụ phí này phát sinh do lỗi của Bên mua hoặc đối tác của Bên mua.

6.2.11. Bên mua phải cung cấp cho Bên bán các lệnh, chứng từ và thông tin khai báo hải quan, giao hàng, lấy hàng đầy đủ và chính xác bằng văn bản với thời gian báo trước hợp lý được quy định trong SOPs để Bên bán hoàn thành nghĩa vụ của mình;

6.2.12. Bên mua có nghĩa vụ đảm bảo rằng khi Bên bán nhận hàng hóa tại điểm lấy hàng thì toàn bộ hàng hóa đã được chuẩn bị, đóng gói, xếp đặt, dán nhãn và đánh dấu đầy đủ, đúng cách và phù hợp với quy định và tính chất của hàng hóa

ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG

7.1. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng (thiên tai, chiến tranh, bạo động, dịch

bệnh...) hoặc các tình huống không lường trước do cơ quan có thẩm quyền quyết định và nằm ngoài tầm kiểm soát của Các Bên (“Sự Kiện Bất Khả Kháng”), dẫn đến việc một trong hai Bên chậm thực hiện, hay không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của Hợp Đồng này dù đã dùng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép của một trong các bên sẽ không bị coi là vi phạm Hợp Đồng hay phải chịu trách nhiệm với bên kia về bất kỳ sự chậm thực hiện các nghĩa vụ nêu trên. Việc chậm thực hiện nghĩa vụ do ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ không là cơ sở để bên còn lại chấm dứt hợp đồng trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

7.2. Bên chậm thực hiện nghĩa vụ phải thông báo bằng văn bản trong vòng 5 ngày kể từ thời điểm phát sinh sự kiện bất khả kháng cho Bên còn lại về tính chất của sự kiện này và ảnh hưởng của nó đối với khả năng thực hiện nghĩa vụ của họ. Việc thực hiện nghĩa vụ sẽ được gia hạn một khoảng thời gian hợp lý phù hợp với điều khoản hợp đồng này và được các Bên chấp thuận.

7.3. Nếu việc thực hiện bất cứ nghĩa vụ nào theo Hợp Đồng này của bất kỳ Bên nào bị trì hoãn hoặc cản trở bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng trong một thời gian liên tục vượt quá một (01) tháng, các Bên phải thương lượng một cách thiện chí để đạt được thống nhất về những sửa đổi hoặc các thu xếp khác một cách công bằng và hợp lý bằng văn bản nhằm giảm bớt các tác động của Sự Kiện Bất Khả Kháng.

7.4. Trong trường hợp Hợp Đồng phải chấm dứt do các bên không thể tiếp tục thực hiện thì Bên Mua sẽ thanh toán cho Bên bán các khoản chi phí thực tế hợp lý phát sinh tính đến thời điểm chấm dứt Hợp Đồng. Trong trường hợp Bên bán đã nhận tiền tạm ứng từ Bên Mua thì Bên bán sẽ hoàn trả lại cho Bên Mua khoản tiền tạm ứng đã nhận sau khi trừ đi các chi phí thực tế hợp lý phát sinh tính đến thời điểm chấm dứt Hợp Đồng.

ĐIỀU 8: LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

8.1. Hợp Đồng này được giải thích và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam;

8.2. Nếu có phát sinh tranh chấp trong quá trình ký kết và thực hiện Hợp Đồng, Các Bên trước hết sẽ thống nhất giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, mỗi Bên đều được quyền đưa tranh chấp đó ra Trọng tài thương mại hoặc Tòa Án có thẩm quyền để giải quyết. Quyết định của Trọng tài thương mại hoặc Tòa án có giá trị pháp lý ràng buộc Các Bên phải thi hành. Toàn bộ chi phí giải quyết tranh chấp tại tòa án sẽ do Bên thua kiện chịu trách nhiệm chi trả.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

9.1. Hợp đồng này hàm chứa toàn bộ thỏa thuận giữa Các Bên và thay thế bất kỳ hiểu biết hoặc thỏa thuận nào trước đó được lập bằng văn bản hoặc bằng lời nói. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng sẽ được thực hiện bằng văn bản và được ký kết giữa Các Bên.

9.2. Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này bị vô hiệu, không hợp pháp hoặc không thể thi hành vì bất kỳ lý do nào bởi tuyên bố của Tòa án có thẩm quyền, điều khoản đó sẽ được xử lý, loại bỏ và phần còn lại của Hợp đồng vẫn tiếp tục có hiệu lực.

9.3. Hợp đồng này sẽ không ràng buộc Bên Mua chỉ được sử dụng dịch vụ của Bên bán trong thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng, ngoại trừ các yêu cầu dịch vụ đã được hai Bên đồng ý.

9.4. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN PHÔI THÉP

Số: 01/2026/HĐNT/VTM-NB

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006;

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của các bên

Hôm nay, ngày tháng 02 năm 2026, tại văn phòng Công ty TNHH Khoáng Sản và Luyện kim Việt Trung, các bên gồm:

BÊN BÁN : CÔNG TY TNHH KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM VIỆT TRUNG

Địa chỉ : KCN Tăng Loỏng, Xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai.

Mã số thuế : 5300 232 681

Tài khoản : 394698008 tại NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) - CN Lào Cai.

Đại diện : Ông Ngô Sỹ Hiếu Chức vụ: Phó tổng Giám đốc phụ trách

BÊN MUA : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ – VNSTEEL

Số GCNĐKDN: 0305 393838 - 001 đăng ký lần đầu ngày 01/11/2010, thay đổi lần 5 ngày 10/5/2023;

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch 2 - Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0251.356.9672 Fax: 0251.356.9673;

Tên tài khoản: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Tài khoản : 111 000 106412 tại NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch, Đồng Nai;

:Hoặc tài khoản: 3100 793619 tại NH TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam-CN Thành phố Hồ Chí Minh;

Mã số thuế : 0305 393838

Đại diện : Ông Nguyễn Minh Tính Chức vụ: Tổng Giám đốc

Sau khi đã bàn bạc, hai bên đồng ý ký hợp đồng nguyên tắc mua bán phôi thép với các điều kiện và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: HÀNG HOÁ - SỐ LƯỢNG - QUY CÁCH - CHẤT LƯỢNG

1.1 Tên hàng hoá: Phôi thép mác CB240T, CT38, SD295/CT42, CT51,..

1.2 Quy cách: 130 x 130 x 12.000 (mm)

1.3 Xuất xứ: Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung

1.4 Số lượng: Tối thiểu 3.000 tấn/tháng, tối đa 9.000 tấn/tháng

- 1.5 Chất lượng: Quy định cụ thể trong hợp đồng mua bán. Chất lượng của hàng hóa tuân thủ các quy định hiện hành hoặc theo đơn đặt hàng.

ĐIỀU 2: GIÁ CẢ

- 2.1 Trong thời gian từ ngày 25 hàng tháng (hay Bên Mua có nhu cầu phát sinh khác), hai bên làm việc (trực tiếp hoặc online) để xác định giá cả cho số lượng hàng hóa sẽ giao nhận trong tháng liền kề sau đó trên cơ sở giá cả thị trường. Sau khi có kết quả làm việc, bên Bán sẽ gửi văn bản chào giá bán phôi thép cho bên Mua, bên Mua sẽ xác nhận để làm cơ sở xây dựng các hợp đồng mua bán cụ thể.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC GIAO HÀNG - THỜI GIAN GIAO HÀNG

- 3.1 Thông báo giao hàng: Bên Bán thông báo giao hàng trước 03 ngày để Bên Mua chuẩn bị kế hoạch tiếp nhận hàng hóa.
- 3.2 Địa điểm giao hàng: Trên phương tiện vận chuyển của bên Bán tại cảng thủy nội địa Tín Nghĩa – Nhơn Trạch – Đồng Nai

ĐIỀU 4: THANH TOÁN

- 4.1 Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng.
- 4.2 Đồng tiền thanh toán: Tiền đồng của Việt Nam.
- 4.3 Thời hạn thanh toán: Theo thỏa thuận hai Bên được ghi vào từng Phụ lục của đơn hàng.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 5.1 Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các điều kiện và điều khoản ghi trong hợp đồng nguyên tắc. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn phát sinh, hai Bên sẽ kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và cùng nhau giải quyết.
- 5.2 Đối với những bất khả kháng phát sinh làm cản trở không thực hiện được hợp đồng này thì hợp đồng sẽ được thanh lý mà không bên nào có lỗi. Những trường hợp bất khả kháng được hiểu là những trường hợp xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát của hai bên.

ĐIỀU 6: THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 6.1 Hợp đồng nguyên tắc này có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký.
- 6.2 Mọi sửa đổi, bổ sung trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng phải được sự nhất trí của hai Bên bằng phụ lục hợp đồng. Các phụ lục hợp đồng là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.
- 6.3 Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

3836
TY
HÀN
HÀ
TEE
H-1.5



CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Số: 19 /TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
Đại hội đồng cổ đông thông qua
Việc giao quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 về việc giao quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng, cụ thể như sau:

Hạn mức tín chấp bán hàng: 200 tỷ đồng đối với Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL.

Hạn mức tín chấp bán hàng: 03 triệu USD đối với Chip Mong Group Co., Ltd - Campuchia.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Dương Trung Toàn





DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN THÉP TRẢ CHẬM
Hợp đồng số : 02-2026/HĐTC-TMN

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày tháng năm , tại Văn phòng Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL, đại diện 2 đơn vị gồm:

Bên Bán: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL sau đây gọi tắt là Bên A)

Địa chỉ : Lô số 2, Đường số 3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II- Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam

Số GCNĐKDN: 0305393838 đăng ký lần đầu ngày 25/12/2007, thay đổi lần thứ 10 ngày 06/09/2025.

Điện thoại : 0251 3569 672

Fax : 0251 3569 673

Mã số thuế : 0305393838

Tài khoản : - Số 111000106412 tại NH TMCP Công Thương Việt Nam–CN Nhơn Trạch

- Số 3100793619 tại NH TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam– CN TP.HCM.

- Số 1044911786 tại NH TMCP Ngoại Thương VN - CN TPHCM

Tên tài khoản : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Do Ông : **NGUYỄN MINH TÍNH** – Tổng giám đốc làm đại diện

Bên Mua: CÔNG TY TNHH MTV THÉP MIỀN NAM – VNSTEEL (sau đây gọi tắt là Bên B)

Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số GCNĐKDN : 3502269994 đăng ký lần đầu ngày 10/12/2014, thay đổi lần thứ 8 ngày 11/07/2025

Số tài khoản : 0071000795392 tại NH TMCP Ngoại Thương VN - CN TP.HCM

Điện thoại : 0254.3922091

Fax : 0254.3921005

Mã số thuế : 3502269994

Do ông : **LÊ VIỆT** – Tổng giám đốc làm đại diện.

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng năm 2026 với nội dung như sau:

Điều 1: Sản phẩm, số lượng, giá bán và giá trị hàng hóa:

1.1 Sản phẩm:

- Hàng tháng Bên A bán cho Bên B các sản phẩm thép do bên A sản xuất.
- Các sản phẩm thép của Bên A được sản xuất theo tiêu chuẩn tương đương tiêu chuẩn Nhật (JIS), Mỹ (ASTM), Việt Nam (TCVN). Bên A cung cấp cho Bên B các sản phẩm có chất lượng đúng với tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa đã công bố.
- Bên A cung cấp các thông số kỹ thuật, các chứng chỉ xuất xứ, chứng nhận chất lượng các sản phẩm của Bên A khi Bên B yêu cầu.

1.2 Số lượng:

Số lượng và quy cách được xác định theo từng lần đặt hàng căn cứ theo Lệnh xuất hàng do bên B lập.

Lệnh xuất hàng là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

1.3 Đơn giá và giá trị hàng bán:

- Đơn giá sẽ căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm và được thể hiện bằng văn bản được xác nhận bởi hai bên. Văn bản xác nhận giá là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng này.

Điều 2. Chi phí liên quan đến tiêu thụ, quảng bá thương hiệu Thép Miền Nam /V/

- Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B các chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ, quảng bá thương hiệu.
- Hai Bên thống nhất đơn giá tính phí (đồng/tấn) để quyết toán cho Bên B theo sản lượng hóa đơn mà Bên A đã xuất cho Bên B. Đơn giá tính phí được thể hiện trong phụ lục hợp đồng không thể tách rời của hợp đồng này.

Điều 3. Phương thức giao nhận

- Địa điểm giao nhận:
 - + Đối với giao hàng bằng đường bộ: địa điểm giao nhận tại kho của bên A, trên phương tiện của bên B.
 - + Đối với giao hàng bằng đường thủy: địa điểm giao nhận tại cảng ở các khu vực Đồng Nai và TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Phú Quốc, Đà Nẵng, Nha Trang trên phương tiện của bên B.
 - + Các hình thức giao nhận khác sẽ được thỏa thuận giữa 2 bên bằng phụ lục hợp đồng.
- Bốc xếp: Phương tiện vận chuyển do bên B điều động, bốc hàng lên phương tiện do Bên A chịu.
- Phương thức giao nhận: Bên A xuất hàng theo chỉ định của Bên B, thể hiện bằng Lệnh xuất hàng của Bên B phát hành. Bên B cử người đại diện làm thủ tục nhận hàng tại nhà máy và kho khu vực của Bên A. Sau khi hoàn tất thủ tục giao nhận, căn cứ theo chứng từ xác định khối lượng và văn bản thỏa thuận giá tại thời điểm giao hàng, Bên A xuất hóa đơn GTGT cho Bên B.

- Kể từ thời điểm hoàn tất giao nhận hàng, bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm về số lượng hàng đã nhận của bên A.

Điều 4. Phương thức thanh toán.

- Bên A đồng ý bán sản phẩm cho bên B theo phương thức bán hàng tín chấp với hạn mức nợ là: 200.000.000.000 đồng (*Hai trăm tỷ đồng*).

- Khi đến hạn thanh toán, Bên B thanh toán 100% giá trị của hóa đơn GTGT đã xuất bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng của Bên A hoặc thanh toán bằng hình thức Biên bản bù trừ công nợ mua, bán giữa hai Bên (nếu có).

- Ngày đến hạn thanh toán của các hóa đơn xuất bán hàng theo Lệnh xuất hàng là ngày thứ 04 kể từ ngày xuất hóa đơn.

- Nếu ngày đến hạn thanh toán là các ngày thứ Bảy, Chủ nhật, các ngày Lễ theo quy định của Nhà nước thì ngày đến hạn là ngày làm việc kế tiếp.

- Quá thời hạn thanh toán, ngoài nợ gốc, bên B phải thanh toán cho bên A tiền lãi chậm trả tính trên phần nợ quá hạn theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 01 (một) tháng của Khách hàng Doanh Nghiệp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng 3%/năm, trong trường hợp Bên B trả nợ trước hạn Bên B được hưởng tiền lãi trả trước hạn tính trên phần tiền trả trước hạn theo lãi suất tương tự lãi suất tính trả chậm và được bù trừ khi tính tiền lãi trả chậm.

Điều 5. Trách nhiệm của hai bên

5.1 Trách nhiệm của bên A:

- Cung cấp kịp thời các sản phẩm, đúng quy cách và chủng loại theo yêu cầu của Bên B trong khả năng của Bên A.

- Cung cấp kịp thời các thay đổi về giá bán sản phẩm cho Bên B.

- Đổi lại các sản phẩm bị hư hỏng trong quá trình bốc xếp do phía Bên A gây ra hay các sản phẩm không đúng tiêu chuẩn mà bên B yêu cầu trong thời gian ngắn nhất có thể.

5.2 Trách nhiệm của bên B:

- Nhanh chóng thỏa thuận giá cả mỗi khi bên A có đề nghị điều chỉnh giá.

- Thanh toán tiền mua hàng cho Bên A đúng hạn.

- Phối hợp cùng Bên A quảng cáo, giới thiệu các sản phẩm của Bên A.

- Hỗ trợ cho Bên A những thông tin trung thực của thị trường như: Tình hình tiêu thụ, giá cả biến động, lượng hàng tồn đọng, các yêu cầu về chất lượng ...

Điều 6. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp.

- Khi có phát sinh tranh chấp về việc thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ cùng nhau thương lượng giải quyết.

- Nếu các tranh chấp không tự giải quyết được bằng thương lượng hoặc bằng hòa giải thì hai bên thống nhất đưa ra xét xử ở tòa án có thẩm quyền tại TP. Hồ Chí Minh.

3938
NG T
PH
NH
STE
CH -

Điều 7. Thời gian hiệu lực của hợp đồng.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026.

Điều 8. Điều khoản chung

- Hai bên có trách nhiệm thực hiện đúng các điều khoản đã nêu trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh khó khăn hay trở ngại thì các bên có trách nhiệm thông báo cho nhau, trong vòng 07 ngày hai bên tổ chức cuộc họp để thảo luận và cùng hợp tác để giải quyết. Hợp đồng chỉ được sửa đổi khi hai bên cùng đồng ý và ký phụ lục hợp đồng để thực hiện.

- Các phụ lục hợp đồng là phần không tách rời của hợp đồng.

- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản đều có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN MINH TÍNH

LÊ VIỆT

38. C
Y
N
À BÈ
EL
ĐỒNG



DỰ THẢO
DRAFT

**PRINCIPAL SALES CONTRACT
HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
NÒ. 01/HD-2026/NBS-CMG
SỐ. 01/HD-2026/NBS-CMG**

NHON TRACH- DONG NAI PROVINCE , 2026
NHON TRACH- TỈNH ĐỒNG NAI, NGÀY THÁNG NĂM 2026

*THIS PRINCIPAL SALES CONTRACT IS MADE BETWEEN
HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC NÀY ĐƯỢC THIẾT LẬP GIỮA:*

THE SELLER: VNSTEEL - NHABE STEEL JOINT STOCK COMPANY – NHON TRACH BRANCH

**BÊN BÁN: CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH - CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL
NHON TRACH II INDUSTRY ZONE - NHON PHU, PHU HOI WARD, NHON TRACH DISTRICT,
DONG NAI PROVINCE, VIETNAM**

KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH II - NHƠN PHÚ, XÃ PHÚ HỘI, HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

TEL: +84 0251 569 672 FAX: +84 0251 569 673

REPRESENTED BY **MR NGUYEN MINH TINH**- GENERAL DIRECTOR.

ĐẠI DIỆN BỞI: **ÔNG NGUYỄN MINH TÍNH**- GIÁM ĐỐC

SELLER'S A/C NO AND INFORMATION ABOUT BENEFICIARY:

SỐ TÀI KHOẢN NGƯỜI BÁN VÀ THÔNG TIN VỀ NGƯỜI THỤ HƯỞNG:

ACCOUNT NAME: VNSTEEL - NHABE STEEL JOINT STOCK COMPANY

TÊN TÀI KHOẢN: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ – VNSTEEL

ACCOUNT NUMBER: 31 000 27233 AT JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INVESTMENT & DEVELOPMENT OF VIETNAM (BIDV), HO CHI MINH CITY BRANCH. SWIFT CODE: BIDVNVX

SỐ TÀI KHOẢN: 31 000 27233 TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV), CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH. MÃ SWIFT: BIDVNVX

OR ACCOUNT NUMBER: 1052514340 JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM, HO CHI MINH CITY BRANCH. SWIFT CODE: BFTVNVX

HOẶC SỐ TÀI KHOẢN: 1052514340 TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM, CHI NHÁNH TP.HỒ CHÍ MINH. MÃ SWIFT: BFTVNVX

HEREINAFTER CALLED “PARTY A” (SAU ĐÂY GỌI LÀ “BÊN A”).
AND (VÀ):

THE BUYER: CHIP MONG GROUP CO., LTD.

BÊN MUA: CHIP MONG GROUP CO., LTD.

#UNIT 319A, CHIP MONG 271 MEGA MALL 3RD FLOOR & #402 4TH FLOOR, ST 271, PHUM PREK TA NU, SANGKAT CHAK ANGRAE LEU, KHNA MEANCHEY, PHNOM PENH., CAMBODIA.

TEL.: 85 523 219 219 - FAX: 85 523 218 022

REPRESENTED BY **MR. LEANG KHUN** – EXECUTIVE CHAIRMAN.

ĐẠI DIỆN BỞI **MR. LEANG KHUN** – CHỦ TỊCH ĐIỀU HÀNH

HEREINAFTER CALLED “PARTY B” (SAU ĐÂY GỌI LÀ “BÊN B”).

BOTH PARTIES HAVE AGREED THIS CONTRACT IN ACCORDANCE WITH THE FOLLOWING TERMS AND CONDITIONS

CẢ HAI BÊN ĐÃ THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG NÀY THEO CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN SAU:

ARTICLE 1. COMMODITY – QUANTITY – QUALITY – PRICE – INVOICE

ĐIỀU 1. HÀNG HOÁ - SỐ LƯỢNG - CHẤT LƯỢNG - GIÁ - HÓA ĐƠN

- PRODUCTS BRANDED SOUTHERN STEEL /V/ PRODUCED BY VNSTEEL-NHA BE STEEL: HOT ROLLED ANGLE STEEL AND HOT ROLLED STEEL DEFORMED BARS

SẢN PHẨM MANG THƯƠNG HIỆU THÉP MIỀN NAM /V/ SẢN XUẤT BỞI THÉP NHÀ BÈ- VNSTEEL: THÉP GÓC CÁN NÓNG VÀ THÉP THANH VẦN CÁN NÓNG

- THE BRAND PRODUCTS SOUTHERN STEEL /V/ ARE MANUFACTURED AS REQUIREMENT'S PARTY B AND THE NEGOTIATION BETWEEN THE TWO PARTIES.

CÁC SẢN PHẨM THƯƠNG HIỆU THÉP MIỀN NAM /V/ ĐƯỢC SẢN XUẤT THEO YÊU CẦU CỦA BÊN B VÀ ĐẢM PHÁN GIỮA HAI BÊN.

- THE PRICE, QUANTITY, SIZE AND GRADE WILL BE SHOWN IN THE CONTRACT'S ANNEX FOR EACH SHIPMENT.

GIÁ CẢ, SỐ LƯỢNG, CHUNG LOẠI VÀ MÁC THÉP SẼ ĐƯỢC HIỂN THỊ TRONG PHỤ LỤC CỦA HỢP ĐỒNG CHO MỖI LÔ HÀNG.

- PRICE: FOB – PARTY A'S PORTS (INCOTERMS 2020)

GIÁ: FOB - CÁC CẢNG CỦA BÊN A (INCOTERMS 2020)

- INVOICE: MILL'S ACTUAL WEIGHT THROUGH WEIGHT SCALES OR MILL'S ACTUAL BARCODE.

HÓA ĐƠN: TRỌNG LƯỢNG THỰC TẾ QUA CÂN HOẶC THEO MÃ VẠCH.

ARTICLE 2. PACKING AND MARKING

ĐIỀU 2. ĐÓNG GÓI VÀ NHÃN HÀNG

- PACKING: MILL'S STANDARD.

ĐÓNG GÓI: THEO TIÊU CHUẨN.

- SHIPPING MARKS: MILL'S STANDARD.

NHÃN HIỆU: THEO TIÊU CHUẨN.

ARTICLE 3. DELIVERY METHODS

ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC GIAO HÀNG

- PLACE OF DELIVERY: AT PARTY A'S WAREHOUSES AND PORTS.

NƠI GIAO HÀNG: TẠI KHO VÀ CẢNG CỦA BÊN A.

- PARTY B WILL INFORM THE QUANTITY, SIZE, GRADE IN A SHIPMENT INFORMATION FORM TO PARTY A (BY TELEPHONE, FAX OR EMAIL ARE ACCEPTABLE). IN THE SHIPMENT INFORMATION, PARTY B MUST INFORM TO PARTY A TRANSPORTATION LICENSES AND LEGAL REPRESENTATIVES FOR EACH SHIPMENT.

BÊN B SẼ THÔNG BÁO SỐ LƯỢNG, CHUNG LOẠI VÀ MÁC THÉP LÔ HÀNG CHO BÊN A (QUA ĐIỆN THOẠI, FAX HOẶC EMAIL ĐƯỢC CHẤP NHẬN). TRONG THÔNG TIN LÔ HÀNG, BÊN B PHẢI THÔNG BÁO CHO BÊN A GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN VÀ ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CHO TỪNG LÔ HÀNG.

- LEGAL REPRESENTATIVES OF 02 (TWO) PARTIES WILL SIGN DELIVERY DOCUMENTS TO CONFIRM THE DELIVERY CARGO VOLUMES BEFORE PARTY B' CARGOS LEAVE PART A'S PORTS.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA 02 (HAI) CÁC BÊN SẼ KÝ VẤN BẢN GIAO HÀNG ĐỂ XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG VẬN CHUYỂN HÀNG TRƯỚC KHI HÀNG HÓA CỦA BÊN B RỜI KHỎI CÁC CẢNG CỦA A.

- PARTY A IS RESPONSIBLE FOR LOADING GOODS TO PARTY B'S TRANSPORTATION MEANS IN PARTY A'S PORTS.

BÊN A CÓ TRÁCH NHIỆM XẾP HÀNG CHO CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI CỦA BÊN B TRONG CÁC CẢNG CỦA BÊN A.

- PARTY B BEAR ALL RESPONSIBILITIES RELATED TO THE STORAGE, QUALITY AND TRANSPORT SINCE PARTY B'S LEGAL REPRESENTATIVE SIGN DELIVERY DOCUMENTS WITH PARTY A'S.

BÊN B CHỊU MỌI TRÁCH NHIỆM LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC LƯU TRỮ, CHẤT LƯỢNG VÀ VẬN CHUYỂN KỂ TỪ KHI ĐẠI DIỆN PHÁP LÝ CỦA BÊN B KÝ VẤN BẢN GIAO HÀNG VỚI BÊN A

ARTICLE 4. DISCOUNT- PAYMENT

ĐIỀU 4. CHIẾT KHẤU- THANH TOÁN

DISCOUNT (CHIẾT KHẤU):

- THE TOTAL QUANTITY BY THE BUYER INCLUDES THE QUANTITY OF THE CHIP MONG GROUP CO., LTD AND ITS SUBSIDIARIES LISTED BELOW.

TỔNG SỐ LƯỢNG CỦA NGƯỜI MUA BAO GỒM SỐ LƯỢNG CỦA TẬP ĐOÀN CHIP MONG VÀ CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC LIỆT KÊ DƯỚI ĐÂY.

- THE TOTAL QUANTITY WILL BE GOT THE DISCOUNT YIELD SALES POLICY ISSUED BY THE SELLER (IF ANY) AND BE APPLIEDABLE FOR THE BUYER.

TỔNG SỐ LƯỢNG SẼ ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH CHIẾT KHẤU BÁN HÀNG DO NGƯỜI BÁN PHÁT HÀNH (NẾU CÓ) VÀ ĐƯỢC ÁP DỤNG CHO NGƯỜI MUA.

PAYMENT (THANH TOÁN):

- PARTY A AGREES TO SELL GOODS ON DEFERRED PAYMENT TO PARTY B.

BÊN A ĐỒNG Ý BÁN HÀNG TRẢ CHẬM CHO BÊN B.

- THE TOTAL VALUE OF EACH SHIPMENT WILL BE PAID BY T/T (TELEGRAPHIC TRANSFER) TO THE ACCOUNT OF PARTY A WITHIN 40 (FORTY) DAYS FROM THE DATE OF ISSUING THE COMMERCIAL INVOICE TO PARTY B. IF DUE DATES ARE ON SATURDAYS, SUNDAYS, THE DUE DATE IS THE NEXT WORKING DAY. IF DUE DATES ARE ON CAMBODIA PUBLIC HOLIDAYS AS PRESCRIBED BY THE STATE, THE DUE DATE IS BEFORE THE HOLIDAY.

TỔNG GIÁ TRỊ CỦA MỖI LÔ HÀNG SẼ ĐƯỢC THANH TOÁN BẰNG T/T (CHUYỂN TIỀN) ĐẾN TÀI KHOẢN CỦA BÊN A TRONG VÒNG 40 (BỐN MƯƠI) NGÀY KỂ TỪ NGÀY PHÁT HÀNH HÓA ĐƠN THƯƠNG MẠI CHO BÊN B. NẾU ĐẾN HẠN VÀO THỨ BẢY, CHỦ NHẬT, NGÀY ĐẾN HẠN LÀ NGÀY LÀM VIỆC TIẾP THEO. NẾU ĐẾN HẠN VÀO NGÀY LỄ CỦA CAMPUCHIA THEO QUY ĐỊNH CỦA NHÀ NƯỚC, NGÀY ĐẾN HẠN LÀ TRƯỚC NGÀY NGHỈ LỄ.

- PARTY B CAN MAKE T/T PAYMENT DIRECTLY TO PARTY A. IN ADDITIONS, PARTY B CAN DESIGNATE THIRD PARTY TO MAKE T/T PAYMENT ON BEHALF OF PARTY B AND THE DESIGNATED THIRD PARTIES IS CHIP MONG'S SUBSIDIARY COMPANIES. THESE COMPANIES' ACCOUNT INFORMATION IS LISTED BELOW:

BÊN B CÓ THỂ THỰC HIỆN THANH TOÁN T/T TRỰC TIẾP CHO BÊN A. NGOÀI RA, BÊN B CÓ THỂ CHỈ ĐỊNH BÊN THỨ BA THỰC HIỆN THANH TOÁN T/T THAY MẶT CHO BÊN B VÀ CÁC BÊN THỨ BA ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH LÀ CÁC CÔNG TY CON CỦA CHIP MONG. THÔNG TIN TÀI KHOẢN CỦA CÁC CÔNG TY NÀY ĐƯỢC LIỆT KÊ BÊN DƯỚI:

4.1. COMPANY NAME (TÊN CÔNG TY): CHIP MONG GROUP CO.,LTD

ADDRESS (ĐỊA CHỈ): #UNIT 319A, CHIP MONG 271 MEGA MALL 3RD FLOOR & #402 4TH FLOOR, ST 271, PHUM PREK TA NU, SANGKAT CHAK ANGRAE LEU, KHNA MEANCHEY, PHNOM PENH., CAMBODIA.

TEL.: (+855) 23 219 219 FAX: (+855) 23 218 022

REPRESENTED WITH POSITION: MR. LEANG KHUN - EXECUTIVE CHAIRMAN

ĐẠI DIỆN: MR. LEANG KHUN - CHỦ TỊCH ĐIỀU HÀNH

ACCOUNT INFORMATION (THÔNG TIN TÀI KHOẢN):

1. BANK NAME (TÊN NGÂN HÀNG): J TRUST ROYAL BANK (CAMBODIA) LTD

LOCATION (VỊ TRÍ): PHNOM PENH

SWIFT/BIC (MÃ SWIFT/BIC): TCABKHPP

ACCOUNT NAME (TÊN TÀI KHOẢN): CHIP MONG GROUP CO.,LTD

ACCOUNT NO. (SỐ TÀI KHOẢN): 149393

2. BANK NAME (TÊN NGÂN HÀNG): BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF CAMBODIA PLC

LOCATION (VỊ TRÍ): PHNOM PENH

SWIFT/BIC (MÃ SWIFT/BIC): IDBCKHPP

ACCOUNT NAME (TÊN TÀI KHOẢN): CHIP MONG GROUP CO.,LTD

ACCOUNT NO. (SỐ TÀI KHOẢN): 7037-0000-48-14

3. BANK NAME (TÊN NGÂN HÀNG): CAMBODIAN PUBLIC BANK

LOCATION (VỊ TRÍ): PHNOM PENH

SWIFT/BIC (MÃ SWIFT/BIC): CPBLKHPP

ACCOUNT NAME (TÊN TÀI KHOẢN): LEANG KHUN OR LEANG MENG OR PHEAP HEAK OR KIM CHANNA.

ACCOUNT NO. (SỐ TÀI KHOẢN): 010-02-10-00768-7

4. BANK NAME (TÊN NGÂN HÀNG): BANK OF CHINA (HONG KONG) LIMITED

LOCATION (VỊ TRÍ): PHNOM PENH

SWIFT/BIC (MÃ SWIFT/BIC): BKCHKHPP

ACCOUNT NAME (TÊN TÀI KHOẢN): CHIP MONG GROUP CO.,LTD.

ACCOUNT NO. (SỐ TÀI KHOẢN): 100001100102249

5. BANK NAME (TÊN NGÂN HÀNG): CIMB BANK PLC
LOCATION (VỊ TRÍ): PHNOM PENH
SWIFT/BIC (MÃ SWIFT/BIC): CIBBKHPP
ACCOUNT NAME (TÊN TÀI KHOẢN): CHIP MONG GROUP CO.,LTD.
ACCOUNT NO. (SỐ TÀI KHOẢN): 1010121000001181
6. BANK NAME (TÊN NGÂN HÀNG): MAYBANK CAMBODIA PLC
LOCATION (VỊ TRÍ): PHNOM PENH
SWIFT/BIC (MÃ SWIFT/BIC): MBBEKHPP
ACCOUNT NAME (TÊN TÀI KHOẢN): CHIP MONG GROUP CO.,LTD.
ACCOUNT NO. (SỐ TÀI KHOẢN): 000010200388301

4.2. COMPANY NAME (TÊN CÔNG TY): TECH SENG SUPPLY ALL KIND OF STEEL CO., LTD

ADDRESS (ĐỊA CHỈ): #137B, STREET 271, SANGKAT TOUL TOMPONG II, KHAN CHAMKAMORN, PHNOM PENH, CAMBODIA.
TEL: (+855) 23 987 838 FAX: (+855) 23 987 838
REPRESENTED WITH POSITION: MR. LY MIN - DIRECTOR
ĐẠI DIỆN: MR. LY MIN - GIÁM ĐỐC

ACCOUNT INFORMATION (THÔNG TIN TÀI KHOẢN):

1. BANK NAME (TÊN NGÂN HÀNG): CHIP MONG COMMERCIAL BANK PLC
LOCATION (VỊ TRÍ): PHNOM PENH
SWIFT/BIC (MÃ SWIFT/BIC): CHNOKHPP
ACCOUNT NAME (TÊN TÀI KHOẢN): LY MIN & KIM CHANNA & KIM CHANTHA
ACCOUNT NO. (SỐ TÀI KHOẢN): 56575859

4.3. COMPANY NAME (TÊN CÔNG TY): KS TRADING CO., LTD

ADDRESS (ĐỊA CHỈ): N0 168, ST 598, SANGKAT CHRAINGCHAMRES I, KHAN RUSSEY KEO, PP, CAMBODIA.
TEL.: (+855) 12 817 555 FAX: (+855) 23 992 677, (+855) 23 990 846
REPRESENTED WITH POSITION: MR. LY HONG - DIRECTOR
ĐẠI DIỆN: MR. LY HONG - DIRECTOR

ACCOUNT INFORMATION (THÔNG TIN TÀI KHOẢN):

1. BANK NAME (TÊN NGÂN HÀNG): BRED BANK (CAMBODIA) PLC
LOCATION (VỊ TRÍ): PHNOM PENH
SWIFT/BIC (MÃ SWIFT/BIC): BREDKHP2
ACCOUNT NAME (TÊN TÀI KHOẢN): LY HONG OR SUON DAVY
ACCOUNT NO. (SỐ TÀI KHOẢN): 001001065600018
2. BANK NAME (TÊN NGÂN HÀNG): CIMB BANK PLC
LOCATION (VỊ TRÍ): PHNOM PENH
SWIFT/BIC (MÃ SWIFT/BIC): CIBBKHPP
ACCOUNT NAME (TÊN TÀI KHOẢN): LY HONG AND/OR SUON DAVY
ACCOUNT NO. (SỐ TÀI KHOẢN): 1010121000007999

4.4. COMPANY NAME (TÊN CÔNG TY): YSL TRADING CO.,LTD

ADDRESS (ĐỊA CHỈ): #33, STREET 108, SANGKAT KHMOUNH, KHAN SEN SOK, PHNOM PENH, CAMBODIA
TEL NUMBER (SỐ ĐIỆN THOẠI): (+855) 85 634 472
REPRESENTED WITH POSITION: MR.: LY YOU - DIRECTOR
ĐẠI DIỆN: MR. YOU - DIRECTOR

ACCOUNT INFORMATION (THÔNG TIN TÀI KHOẢN):

1. BANK NAME (TÊN NGÂN HÀNG): ADVANCED BANK OF ASIA LIMITED
LOCATION (VỊ TRÍ): PHNOM PENH.
SWIFT/BIC (MÃ SWIFT/BIC): ABAAKHPP
ACCOUNT NAME (TÊN TÀI KHOẢN): LY YOU
ACCOUNT NO. (SỐ TÀI KHOẢN): 777777999
2. BANK NAME (TÊN NGÂN HÀNG): HATTHA BANK PLC



LOCATION (VỊ TRÍ): PHNOM PENH
SWIFT/BIC (MÃ SWIFT/BIC): HATHKHP
ACCOUNT NAME (TÊN TÀI KHOẢN): LY YOU
ACCOUNT NO. (SỐ TÀI KHOẢN): 168777799999

4.5. COMPANY NAME (TÊN CÔNG TY): TTHL CO.,LTD

ADDRESS (ĐỊA CHỈ): #22EO, MAO TSE TUNG BLVD, KHAN CHAMKAMORN, PHNOM PENH, CAMBODIA.

TEL: (+855) 023 216 613 FAX: (+855) 023 221 772

REPRESENTED WITH POSITION: MS. SUON ANNIE - DIRECTOR

ĐẠI DIỆN: MS. SUON ANNIE - DIRECTOR

ACCOUNT INFORMATION (THÔNG TIN TÀI KHOẢN):

1. BANK NAME (TÊN NGÂN HÀNG): CAMBODIAN PUBLIC BANK

LOCATION (VỊ TRÍ): PHNOM PENH

SWIFT/BIC (MÃ SWIFT/BIC): CPBLKHPP

ACCOUNT NAME (TÊN TÀI KHOẢN): TAING VANNA O/B: TE SOVANNY

ACCOUNT NO. (SỐ TÀI KHOẢN): 1011114

- PARTY A AGREES TO SELL GOODS ON DEFERRED PAYMENT IN CASE PARTY B PROVIDES IRREVOCABLE STANDBY L/C (IRREVOCABLE STANDBY LETTER OF CREDIT) FOLLOWING ISP98, IS ISSUED BY BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIET NAM (BIDV) HO CHI MINH BRANCH UNDER COUNTER-GUARANTEE ISSUED BY BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF CAMBODIA (BIDC) TO GUARANTEE OF USD 1,000,000 (ONE MILLION UNITED STATES DOLLARS).

BÊN A ĐỒNG Ý BÁN HÀNG TRẢ CHẬM TRONG TRƯỜNG HỢP BÊN B CUNG CẤP THƯ TÍN DỤNG KHÔNG THỂ HỦY NGANG THEO ISP98, ĐƯỢC PHÁT HÀNH BỞI NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV) CHI NHÁNH HCM ĐƯỢC ĐẢM BẢO BỞI NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CAMPUCHIA (BIDC) ĐỂ ĐẢM BẢO 1.000.000 USD (MỘT TRIỆU ĐÔ LA MỸ).

- IN CASE PARTY B PURCHASES GOODS IN EXCESS OF THE LIMIT OF USD 1,000,000 (ONE MILLION UNITED STATES DOLLARS); THE NUMBER OF PARTS EXCEEDING THIS LIMIT IS LIMITED IN ACCORDANCE WITH THE REGULATIONS ON SALES OF NHA BE STEEL JOINT STOCK COMPANY - VNSTEEL.

TRONG TRƯỜNG HỢP BÊN B MUA HÀNG HÓA VƯỢT HẠN MỨC 1.000.000 USD (MỘT TRIỆU ĐÔ LA MỸ); THỊ SỐ PHẦN VƯỢT HẠN MỨC NÀY ĐƯỢC GIỚI HẠN THEO QUY ĐỊNH CỦA QUY CHẾ BÁN HÀNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL.

ARTICLE 5. IRREVOCABLE STANDBY LETTER OF CREDIT

ĐIỀU 5. THƯ TÍN DỤNG KHÔNG THỂ HỦY NGANG

- STANDBY LETTER OF CREDIT MUST BE IRREVOCABLE, UNCONDITIONAL AND RULED BY ISP98 AND UCP600.

THƯ TÍN DỤNG KHÔNG THỂ HỦY NGANG, VÔ ĐIỀU KIỆN VÀ ĐƯỢC QUY ĐỊNH BỞI ISP98 VÀ UCP600.

- THE DRAFT OF STANDBY LETTER OF CREDIT MUST BE ACCEPTED BY PARTY A BEFORE ISSUING OFFICIALLY.

DỰ THẢO THƯ TÍN DỤNG CHỜ PHẢI ĐƯỢC BÊN A CHẤP NHẬN TRƯỚC KHI PHÁT HÀNH CHÍNH THỨC.

- THE VALIDATION OF THE STANDBY LETTER OF CREDIT IS UNTIL JUNE 01, 2027.

THỜI HẠN HIỆU LỰC CỦA THƯ TÍN DỤNG ĐẾN NGÀY 01 THÁNG 06 NĂM 2027.

- BEFORE 40 (FORTY) DAYS FROM THE EXPIRY DATE OF THE IRREVOCABLE L/C, THE RENEWABLE IRREVOCABLE LETTER OF CREDIT MUST BE PROVIDED TO PARTY A BY PARTY B, UNLESS THE RESPONDING IMPLEMENT IS CONDUCTED BY PARTY B, PARTY A SHALL REQUIRE THE ISSUING BANK FOR PAYMENT OF MATERIALS. THE UNDUE DEBTS OF CONTRACT NO. 01/HĐ-2023/NBS-CMG DATE MAY 8, 2023 SHALL BE TRANSFERRED TO THE LETTER OF CREDIT OF THIS CONTRACT.

TRƯỚC 40 (BỐN MƯƠI) NGÀY KỂ TỪ NGÀY HẾT HẠN THƯ TÍN DỤNG KHÔNG THỂ HỦY NGANG, THƯ TÍN DỤNG KHÔNG THỂ HỦY NGANG ĐƯỢC GIA HẠN PHẢI ĐƯỢC BÊN B XUẤT TRÌNH CHO BÊN A NẾU KHÔNG BÊN A NGỪNG CUNG CẤP BẤT KỲ LOẠI HÀNG HÓA NÀO VÀ YÊU CẦU NGÂN HÀNG PHÁT HÀNH THANH TOÁN CÁC KHOẢN NỢ ĐÁO HẠN. CÁC

KHOẢN NỢ CHƯA ĐÁO HẠN CỦA HỢP ĐỒNG SỐ 01/HĐ-2023/NBS-CMG NGÀY 08 THÁNG 05 NĂM 2023 SẼ ĐƯỢC CHUYỂN SANG THƯ TÍN DỤNG CỦA HỢP ĐỒNG NÀY.

- PARTY A MAY DEFINITELY REQUIRE PAYMENT FROM THE ISSUING BANK WITHOUT ANY CONDITIONS WHEN PARTY B IS OVERDUE.

BÊN A CHẮC CHẮN CÓ THỂ YÊU CẦU THANH TOÁN TỪ NGÂN HÀNG PHÁT HÀNH MÀ KHÔNG CÓ BẤT KỲ ĐIỀU KIỆN NÀO KHI BÊN B QUÁ HẠN.

- STANDBY LETTER OF CREDIT FEES IS AT PARTY A'S ACCOUNT AFTER THE ISSUING BANK HAS NOTICE TO THE BENEFICIARY BANK.

PHÍ THƯ TÍN DỤNG ĐƯỢC BÊN A THANH TOÁN SAU KHI NGÂN HÀNG PHÁT HÀNH THÔNG BÁO CHO NGÂN HÀNG THỤ HƯỞNG.

- PLEASE DELIVER YOUR ORIGINAL AMENDMENT STANDBY LETTER OF CREDIT TO MS TRAN THI TUYET, PHONE NO. +974471244. ADDRESS: NHON TRACH II INDUSTRY ZONE, NHON PHU - PHU HOI WARD, NHON TRACH DISTRICT, DONG NAI PROVINCE, VIETNAM. ID: 019174000459 ONCE THE ABOVE-MENTIONED AMENDMENT STANDBY LETTER OF CREDIT HAS BEEN ISSUED.

VUI LÒNG GIAO BẢN GỐC THƯ TÍN DỤNG DỰ PHÒNG SỬA ĐỔI CỦA BẠN CHO BÀ TRẦN THỊ TUYẾT, SỐ ĐIỆN THOẠI. +974471244. ĐỊA CHỈ: KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH II - NHƠN PHÚ, XÃ PHÚ HỘI, HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM. ID: 019174000459 KHI THƯ TÍN DỤNG DỰ PHÒNG SỬA ĐỔI NÓI TRÊN ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH.

ARTICLE 6. OBLIGATIONS

ĐIỀU 6. NGHĨA VỤ

- PARTY A SHALL BE LIABLE TO LOAD GOODS TO PARTY B'S TRANSPORTATION MEANS AT VNSTEEL - NHON TRACH BRANCH - NHA BE JSC FACTORY AND COMPLETE THE CUSTOM'S FORMALITIES IN VIETNAM.

BÊN A CÓ TRÁCH NHIỆM XẾP HÀNG VÀO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI CỦA BÊN B TẠI CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH - CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL VÀ HOÀN THÀNH THỦ TỤC CỦA HẢI QUAN TẠI VIỆT NAM.

- PARTY B SHALL BE LIABLE FOR THE TRANSPORTATION OF THE GOODS FROM PARTY A'S PORTS. THE TRANSPORTATION FEES, UNLOADING FEES, AND CUSTOM'S FEE AT DESTINATION PLACE SHALL BE BORNE BY PARTY B.

BÊN B CHỊU TRÁCH NHIỆM VẬN CHUYỂN HÀNG HOÁ TỪ CẢNG CỦA BÊN A. PHÍ VẬN CHUYỂN, PHÍ DỖ HÀNG VÀ LỆ PHÍ HẢI QUAN TẠI ĐIỂM ĐẾN SẼ DO BÊN B CHỊU.

- IN CASE OF THE NEW EXPORT TAX IS APPLIED, THE ADDITIONAL TAX SHALL BE BORNE BY PARTY B.

TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG THUẾ XUẤT KHẨU MỚI THÌ BÊN B CHỊU THUẾ BỔ SUNG.

ARTICLE 7. CLAIM AND ARBITRATION

ĐIỀU 7. TRỌNG TÀI

- AS FOR THE FLUCTUATION IN THE STANDARD QUALITY, PARTY B HAS NO RIGHT TO MAKE ANY CLAIM WITH PARTY A FOR THE QUALITY OF THE PRODUCT AFTER TAKING DELIVERY.

NGƯỜI MUA CHẤP THUẬN KHÔNG CÓ BẤT CỨ KHIẾU NẠI NÀO VỀ CHẤT LƯỢNG CỦA MÁC THÉP SAU KHI NHẬN HÀNG.

- ALL DISPUTES (IF ANY) ARISING OUT OF OR RELATING TO THIS CONTRACT SHALL BE SETTLED AMICABLY THROUGH FRIENDLY NEGOTIATION. IN CASE OF NO SETTLEMENT CAN BE REACHED THEREBY, DISPUTE MAY RESOLVED BY THE VIETNAM INTERNATIONAL ARBITRATION CENTER AT THE VIETNAM CHAMBER OF COMMERCE AND INDUSTRY IN ACCORDANCE WITH ITS ARBITRATION RULES. ARBITRATION'S DECISIONS ARE FINAL AND BINDING FOR BOTH PARTIES. ARBITRATION FEES AND RELEVANT CHARGES SHALL BE BORNE BY THE LOSING PARTY.

TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG NÀY, MỌI TRANH CHẤP NẾU KHÔNG THỂ ĐẠT ĐƯỢC MỘT DÀN XẾP THÂN THIỆN THÔNG QUA THẢO LUẬN GIỮA ĐÔI BÊN, THÌ SẼ ĐƯỢC PHÂN XỬ BỞI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ VIỆT NAM BÊN CẠNH PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM THEO QUY TẮC TỔ TỤNG TRỌNG TÀI CỦA TRUNG TÂM NÀY. QUYẾT ĐỊNH CỦA TRỌNG TÀI SẼ LÀ PHÁN QUYẾT CUỐI CÙNG, MỌI CHI PHÍ CHO TRỌNG TÀI SẼ DO BÊN THUA KIẾN CHỊU.

ARTICLE 8. INSURANCE. COVERED BY PARTY B.

ĐIỀU 8. BẢO HIỂM. DO BÊN MUA CHỊU

ARTICLE 9. INSPECTION. INSPECTION AT PARTY A'S FACTORY SHALL BE FINAL.

ĐIỀU 9. GIÁM ĐỊNH: NƠI GIÁM ĐỊNH CUỐI CÙNG LÀ TẠI NHÀ MÁY CỦA BÊN BÁN.

ARTICLE 10. FORCE MAJEURE.

ĐIỀU 10. SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG.

NEITHER PARTY SHALL BE HELD RESPONSIBLE FOR DELAY OR FAILURE OF PERFORMANCE OF OBLIGATION PROVIDED FOR HEREIN, WHEN SUCH DELAY IS CAUSED BY CIVIL WAR, FIRE, FLOOD, ACT OF GOD, LABOUR STRIKE, NATURAL DISASTERS OR OTHER CONDITIONS BEYOND ITS CONTROL WHICH CANNOT BE FORECAST OR SHALL HAVE EXHAUSTED ALTERNATIVE MEANS OF PERFORMING THE OBLIGATION IN QUESTION. THE PARTY WISHING TO CLAIM RELIEF BY REASON OF ANY SAID CIRCUMSTANCE SHALL NOTIFY THE OTHER PARTY IN WRITING OF THE INTERVENTIONS, AND CESSATION AND THEN DELIVER A CERTIFICATE ISSUED BY THE CHAMBER OF COMMERCE WHERE ACCIDENT OCCURRED AS EVIDENCE THEREOF. IN CASE THE DELAY BY SUCH FORCE MAJEURE EXCEEDS 90 DAYS, EACH PARTY SHALL HAVE THE RIGHT TO CANCEL THIS CONTRACT UNLESS OTHERWISE AGREED. IN WHICH CASE, NEITHER PARTY SHALL HAVE THE RIGHT TO EVENTUALLY CLAIM THE DAMAGES.

KHÔNG BÊN NÀO CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ SỰ CHẬM TRỄ HOẶC KHÔNG THỰC HIỆN NGHĨA VỤ ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG HỢP ĐỒNG NÀY, KHI SỰ CHẬM TRỄ ĐÓ GÂY RA BỞI NỘI CHIẾN, HỎA HOẠN, LŨ LỤT, ĐÌNH CÔNG LAO ĐỘNG, THIÊN TAI HOẶC CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC NGOÀI TẦM KIỂM SOÁT CỦA NÓ. HOẶC ĐÃ CẠN KIẾT CÁC PHƯƠNG TIỆN THAY THẾ NGHĨA VỤ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ. NẾU BÊN NÀO ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG PHẢI GỬI CHO BÊN KIA GIẤY CHỨNG THỰC DO PHÒNG THƯƠNG MẠI NƠI TAI NẠN XẢY RA NHƯ BẢNG CHỨNG CỦA HỌ. TRONG TRƯỜNG HỢP CHẬM TRỄ DO BẤT KHẢ KHÁNG QUÁ 90 NGÀY, MỖI BÊN SẼ CÓ QUYỀN HỦY HỢP ĐỒNG NÀY TRỪ KHI CÓ THỎA THUẬN KHÁC. TRONG TRƯỜNG HỢP ĐÓ, KHÔNG BÊN NÀO CÓ QUYỀN YÊU CẦU BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI.

ARTICLE 11. OTHERS

ĐIỀU 11: KHÁC

- THIS CONTRACT COMES INTO EFFECTIVE FROM SIGNING DATE TO JUNE 01, 2027, CHANGES AND/OR MODIFICATIONS TO THE CONTRACT, IF ANY, SHOULD BE AGREED UPON BY BOTH PARTIES IN WRITING.

HỢP ĐỒNG NÀY CÓ HIỆU LỰC KỂ TỪ NGÀY KÝ ĐẾN HẾT 01 THÁNG 06 NĂM 2027, NẾU CÓ THAY ĐỔI HOẶC SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG, PHẢI ĐƯỢC CẢ HAI BÊN THỎA THUẬN BẰNG VĂN BẢN.

- THIS CONTRACT IS MADE INTO FOUR (4) COPIES IN BILINGUAL ENGLISH-VIETNAMESE OF EQUAL VALUE AND EFFECTIVE FROM THE SIGNING DATE. TWO COPIES FOR EACH SIDE, WHICH IS LEGALLY ACCEPTED BY FAX OR SCAN.

HỢP ĐỒNG NÀY ĐƯỢC LẬP THÀNH BỐN (4) BẢN BẰNG SONG NGỮ ANH-VIỆT CÓ GIÁ TRỊ NHƯ NHAU VÀ CÓ HIỆU LỰC KỂ TỪ NGÀY KÝ. MỖI BÊN GIỮ 2 (HAI) BẢN, ĐƯỢC CHẤP NHẬN HỢP PHÁP BẰNG FAX HOẶC SCAN.

FOR THE SELLER
ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

FOR THE BUYER
ĐẠI DIỆN BÊN MUA

NGUYEN MINH TINH
DIRECTOR

LEANG KHUN
EXECUTIVE CHAIRMAN



CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Số: 20/TT- HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thông qua
Về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL.

Căn cứ quy định của pháp luật quy định về điều kiện của các công ty kiểm toán được phép kiểm toán báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho đơn vị trong năm 2026 như sau:

Ủy quyền cho HĐQT xem xét lựa chọn một trong những công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các đơn vị kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Dương Trung Toàn



CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21 /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
Đại hội đồng cổ đông thông qua
Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

- Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL.
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty,

Hội đồng Quản trị Công ty trình Đại hội cổ đông chấp thuận và biểu quyết thông qua việc kế hoạch phân phối lợi nhuận như sau:

1. Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế 31/12/2025	:	3.208.216.070 đồng
2. Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2026	:	4.000.000.000 đồng
3. Tổng cộng Lợi nhuận chưa phân phối LK lũy kế 31/12/2026	:	7.208.216.070 đồng
4. Trả cổ tức	:	0 đồng
5. Trích quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng cho NLĐ (25% LNST năm 2025)	:	1.000.000.000 đồng
6. Trích quỹ đầu tư phát triển	:	5.000.000.000 đồng
7. Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	:	1.208.216.070 đồng

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ủy quyền cho HĐQT Công ty CP Thép Nhà Bè – VNSTEEL căn cứ diễn biến thực tế để điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 phù hợp với tình hình thực tế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Dương Trung Toàn



Số: /NQ-ĐHĐCĐ

ĐƯ THẢO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá 14 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 15/12/2007, sửa đổi bổ sung ngày 28 tháng 08 năm 2025;

Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 27 tháng 03 năm 2026,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và định hướng nhiệm vụ năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, với ____ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành. Với các chỉ tiêu chính:

- Sản lượng sản xuất thép cán đạt 140.836 tấn/ Kế hoạch 110.000 tấn, đạt 128,03%
- Sản lượng tiêu thụ 137.616 tấn/ Kế hoạch 110.000 tấn, đạt 125,10 %
- Doanh thu: 1.902,881 tỷ đồng, đạt 118,80 % kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế: 6,180 tỷ đồng

Điều 2. Thông qua Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động Công ty trong năm 2025, với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Công ty, với ____ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 4. Thông qua quyết toán thực hiện tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT và BKS năm 2025. Kế hoạch tiền lương, thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2026. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT xem xét quyết định với ____ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 5. Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2025 với ____ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành:

Trích Quỹ Phúc lợi, Khen thưởng (25% LNST năm 2025) : 1.200.000.000 đồng

Trích Quỹ đầu tư phát triển: 5.520.000.000 đồng

30539
CÔNG
CỔ PHẦN
HỮU LỢI
VIỆT NAM
VNST
TRÁCH

Điều 6. Thống nhất với Tờ trình về kế hoạch SXKD - Tài chính và Đầu tư năm 2026, với ____ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

6.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

- Sản xuất: 145.000 tấn thép cán
- Tiêu thụ: 145.000 tấn thép cán

6.2. Kế hoạch tài chính

- Doanh thu: 1.992 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 05 tỷ đồng;

6.3 Kế hoạch đầu tư phát triển, mua sắm nâng cấp TSCĐ năm 2026:

STT	Tên dự án, thiết bị, phương tiện	ĐVT	Kế hoạch			Ghi chú
			Tổng	DN	Vay TM	
I	Dự án đầu tư phát triển (chuyên tiếp)	Tr đồng	359.000	137.000	222.000	
1	Sản xuất thép cán xây dựng - Bổ sung công đoạn luyện phôi thép cs 150.000 tấn sp/năm	Tr đồng	359.000	137.000	222.000	
II	Dự án đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ	Tr đồng	23.400	10.240	13.160	
1	Máy cắt đầu Block	Tr. đồng	4.600	4.600		
2	Cụm thiết bị gia nhiệt phôi	Tr. đồng	13.500	4.050	9.450	
3	Xe xúc lật 3m ³ (01 xe)	Tr. đồng	1.900	570	1.330	
4	Xe nâng 5T (2 cái)	Tr. đồng	1.000	300	700	
5	Máy nén khí 75kW (03 cái)	Tr. đồng	2.400	720	1.680	
TỔNG		Tr. đồng	382.400	147.240	235.160	

- Tổng mức đầu tư phát triển, mua sắm, nâng cấp TSCĐ: 382.400 tr đồng.
- Nguồn vốn:
 - + Vốn doanh nghiệp: 147.240 tr đồng
 - + Vốn vay thương mại: 235.160 tr đồng

Điều 7. Thông qua một số Tờ trình khác.

7.1. Tờ trình giao cho HĐQT thực hiện việc ký hợp đồng mua bán với các Công ty có liên quan, với ____ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

Hợp đồng mua bán có giá trị hợp đồng (bao gồm cả dư nợ tín chấp) bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty được ghi nhận tại báo cáo tài chính gần nhất và hợp đồng mua bán với các Công ty có liên quan: Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam -VNSTEEL, Công ty cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL, Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL, Công ty CP Kim Khí TP.HCM – VNSTEEL, Công ty CP Kim Khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại Thương Việt Nam, Công ty TNHH Khoáng Sản Luyện Kim Việt Trung.

7.2. Tờ trình giao quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng, với ____ tổng số phiếu biểu quyết tán thành

+ Hạn mức tín chấp bán hàng: 200 tỷ đồng đối với Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL.

+ Hạn mức tín chấp bán hàng: 03 triệu USD đối với Chip Mong Group Co., Ltd-Campuchia.

Điều 8 . Thông qua Tờ trình về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2026, Đại hội thống nhất lựa chọn một trong những công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các đơn vị kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho đơn vị trong năm 2026

Với ____ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 9. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 với ____ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành:

Trích Quỹ phúc lợi, khen thưởng NLĐ (25% LNST năm 2026): 1.000.000.000 đồng

Trích Quỹ đầu tư phát triển: 5.000.000.000 đồng

Điều 10. Đại hội nhất trí giao cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm cụ thể hoá Nghị quyết của Đại hội, lập ra chương trình hành động phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và các nội dung đã được Đại hội quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Điều 11. Giao cho Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát, kiểm tra hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội, đảm bảo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 27/03/2026./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông TNB;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- Lưu: VT, Người PTQT công ty.

Dương Trung Toàn